PG BANK

Tầng 16, 23 và 24, Tòa nhàMipec, số 229 Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Điện thoại: (+84) 4 6281 1298
Fax: (+84) 4 6281 1299
Email: dvkh.pgbank@petrolimex.com.vn
Website: www.pgbank.com.vn

Nâng chất lượng,
hướng cộng đồng,
vun trồng niềm tin

Báo Cáo Thường Niên 2011

Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex

PG BANK

MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ **02**

SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2011 **04**

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN **06**

GIỚI THIỆU NGÂN HÀNG: **09**

- Thông tin chung 10
- Lịch sử phát triển 12
- Các giải thưởng nổi bật 13
- Sơ đồ tổ chức 14
- Hội đồng quản trị 16
- Ban kiểm soát 18
- Ban Điều hành 19
- Thông tin cổ đông 20

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH **23**

- Báo cáo kết quả HĐKD năm 2011 24
- Định hướng năm 2012 32

BÁO CÁO TÀI CHÍNH **33**

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG **71**

- Mạng lưới chi nhánh, PGD 72
- Mạng lưới ngân hàng đại lý 76

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý vị,

Năm 2011 đã khép lại với nhiều dấu ấn khó quên về một năm khó khăn và đầy thách thức với nền kinh tế toàn cầu nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng. Lạm phát tăng cao (18,13%), tăng trưởng GDP thấp (5,89%), đầu tư trong nước giảm do thắt chặt tiền tệ và giảm đầu tư công, đầu tư nước ngoài chững lại do tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động là những nét nổi bật trong bức tranh toàn cảnh nền kinh tế Việt Nam năm 2011. Đối với riêng ngành ngân hàng, tỷ lệ nợ xấu tăng cao, thanh khoản yếu kém là những vấn đề không dễ giải quyết mà cả hệ thống tiếp tục phải đối mặt.

Trong bối cảnh đó, việc kiên định thực hiện mục tiêu đưa PG Bank trở thành một trong những ngân hàng TMCP hàng đầu tại Việt Nam trong những lĩnh vực PG Bank có thế mạnh đòi hỏi những nỗ lực không mệt mỏi, sự chung sức, đồng lòng của đại gia đình PG Bank. Tuy nhiên, với một góc nhìn khác, đây cũng là cơ hội tốt để tôi luyện bản lĩnh, tính linh hoạt và sáng tạo trong quản trị điều hành của Ban lãnh đạo PG Bank cũng như trong thực thi chính sách của đội ngũ cán bộ Ngân hàng.

Thưa Quý vị, đối với ngành tài chính nói chung và ngành ngân hàng nói riêng, có thể nói niềm tin của khách hàng là nhân tố quan trọng nhất quyết định sự phát triển bền vững của định chế tài chính. Đây là nền tảng cốt lõi giúp ngân hàng huy động được lượng vốn lớn với chi phí hợp lý, đồng thời tăng cường cơ hội cung cấp dịch vụ trọn gói tối ưu đến khách hàng, kể cả trong những thời điểm thị trường bất ổn nhất. Do đó, đây được xem là tôn chỉ hành động không của riêng PG Bank, mà của tất cả các định chế hoạt động trong lĩnh vực tài chính.

Trên cơ sở nhận thức đó, chiến lược kinh doanh năm 2011 của Ngân hàng đã được Ban lãnh đạo xác định là tập trung nguồn lực nâng cao chất lượng dịch vụ, hoạt động an toàn và hiệu quả, đồng thời đẩy mạnh quảng bá thương hiệu, nhằm mục tiêu cuối cùng là tạo dựng được lòng tin của khách hàng vào các sản phẩm của PG Bank nói riêng và thương hiệu PG Bank nói chung.

Theo đó, các hoạt động kinh doanh của PG Bank được rà soát và triển khai theo hướng tăng cường tính an toàn, chất lượng và hiệu quả. Trong năm 2011, việc thành lập các đội giám sát chất lượng, kiểm tra chéo, báo cáo chấm điểm hàng tháng cùng với việc đưa vào sử dụng phần mềm Module Teller đã giúp nâng cao đáng kể chất lượng dịch vụ tại các phòng giao dịch của PG Bank. Nhờ những nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV, trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, PG Bank vẫn đạt được những kết quả rất đáng tự hào. Không chỉ thành công trong việc tiếp tục giữ vững vị trí hàng đầu trong kinh doanh ngoại hối, Ngân hàng đã xuất sắc thực hiện vượt kế hoạch lợi nhuận đề ra từ đầu năm. 594 tỷ đồng lợi nhuận - gấp đôi năm 2010 - là kết quả ấn tượng mà PG Bank đã đạt được trong năm tài chính 2011. Theo đó, PG Bank tiếp tục góp mặt trong nhóm các ngân hàng có hệ số sinh lời cao nhất hệ thống NHTM Việt Nam. Bên cạnh đó, các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động tại PG Bank được duy trì ở mức hợp lý trong suốt cả năm, nợ xấu được kiểm soát ở mức thấp hơn nhiều so với mức bình quân chung của ngành.

Ngoài việc chú trọng tăng cường chất lượng và hiệu quả hoạt động kinh doanh, năm 2011 vừa qua, PG Bank cũng đẩy mạnh các chương trình quảng bá thương hiệu, tích cực tham gia vào các hoạt động cộng đồng, như chương trình Tiếp sức mùa thi 2011, PG Bank chung tay vì cộng đồng, góp phần không nhỏ đưa hình ảnh Ngân hàng đến gần hơn với khách hàng và đối tác. Đây cũng là một trong những nhân tố quan trọng tạo dựng thành công thương hiệu PG Bank trong năm qua.

Năm 2012 tiếp tục được dự đoán là một năm đầy thách thức đối với hệ thống ngân hàng Việt Nam khi Chính phủ duy trì chính sách thắt chặt tiền tệ và NHNN triển khai chủ trương tái cấu trúc hệ thống NHTM. Trong bối cảnh đó, định hướng của PG Bank là tiếp tục tăng cường tính an toàn, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động với những giải pháp đột phá về chất lượng, phát triển các dịch vụ mới và giữ vững vị trí hàng đầu trong những lĩnh vực thế mạnh.

Nhiệm vụ năm 2012 là hết sức nặng nề, nhưng chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng, với sự ủng hộ của các cổ đông, sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, cùng với năng lực quản trị của Ban Điều hành, sự quyết tâm và nỗ lực hết mình của tất cả CBCNV, với thế và lực đã tạo dựng được trong năm 2011, PG Bank sẽ tiếp tục thực hiện thành công sứ mệnh ***"Nâng chất lượng, hướng cộng đồng, vun trồng niềm tin"***.

Thay mặt Ban lãnh đạo PG Bank, tôi trân trọng gửi tới Quý khách hàng, Quý đối tác, Quý cổ đông cùng toàn thể CBCNV Ngân hàng lời cảm ơn sâu sắc vì đã đồng hành cùng chúng tôi trong suốt thời gian qua. Kính chúc toàn thể Quý vị cùng gia đình năm mới An khang thịnh vượng, Vạn sự như ý.

Trân trọng!

Chủ tịch Hội đồng Quản trị,

Bùi Ngọc Bảo

CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2011

Bốn năm liền được vinh danh "Ngân hàng loại A" và "Thương hiệu mạnh Việt Nam"

Năm 2011, PG Bank tiếp tục thực hiện thành công sứ mệnh "Vun trồng niềm tin" khi lần thứ 4 liên tiếp được Ngân hàng Nhà nước xếp hạng loại A dựa trên đánh giá về hoạt động an toàn và hiệu quả. Ngân hàng cũng tiếp tục được vinh danh tại lễ trao Giải thưởng "*Thương hiệu mạnh Việt Nam 2011*" do Cục Xúc tiến Thương mại (Bộ Công Thương) phối hợp với Thời báo Kinh tế Việt Nam tổ chức; Ngoài ra, Ngân hàng vinh dự là một trong ba đơn vị xuất sắc nhận Cờ thi đua phong trào năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội. Trong năm 2011, PG Bank cũng được Bộ Công thương trao tặng Bằng khen vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch năm 2010.

Hoàn thành ấn tượng kế hoạch lợi nhuận, là một trong những Ngân hàng có tỷ suất lợi nhuận cao nhất thị trường

Kết thúc năm 2011, lợi nhuận trước thuế của PG Bank đạt 594 tỷ đồng, hoàn thành 106% kế hoạch năm 2011, tăng trưởng 103% so với năm 2010. Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) và tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) lần lượt là 22% và 2,6%, thuộc nhóm dẫn đầu thị trường.

Duy trì vị trí hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh ngoại hối với doanh số mua bán đạt mức kỷ lục

PG Bank được đánh giá là một trong những thành viên hoạt động ngoại hối năng động nhất trên thị trường liên ngân hàng với doanh số mua bán đạt mức kỷ lục trong năm 2011. Doanh số mua bán ngoại tệ quy đổi USD đạt 11,5 tỷ, tăng gần 50% so với năm 2010.

Khai trương trụ sở mới tại Tòa nhà Mipec, 229 Tây Sơn (Hà Nội)

Sự kiện khánh thành Trụ sở mới tại Tòa nhà Mipec là một minh chứng cho bước chuyển mình phát triển, đồng thời thể hiện tiềm lực mạnh mẽ của PG Bank. Trụ sở mới có quy mô lớn với thiết kế hiện đại, tọa lạc ở vị trí trung tâm, đông dân cư, một lần nữa tái khẳng định nỗ lực nâng cao chất lượng dịch vụ và cam kết của PG Bank trong việc gắn bó lâu dài với khách hàng, giúp khách hàng tiết kiệm tối đa thời gian giao dịch trong không gian mở, hiện đại và thân thiện.

Phát triển mạng lưới hoạt động lên 74 điểm giao dịch trên toàn quốc

Năm 2011, PG Bank đẩy mạnh mở rộng mạng lưới hoạt động tại các thành phố lớn. Liên tiếp tại Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Long An, Vũng Tàu, v.v. khai trương các điểm giao dịch mới. Kế hoạch năm 2012, dự kiến PG Bank sẽ phát triển thêm 5 chi nhánh và 29 phòng giao dịch nhằm khuếch trương hoạt động và tăng cường nhận biết thương hiệu PG Bank trên toàn quốc.

Chuẩn hóa các điểm giao dịch trên toàn hệ thống theo nhận diện mới

Năm 2011, PG Bank hoàn thành cơ bản bộ nhận diện thương hiệu chung cho các phòng giao dịch theo các hạng mục ưu tiên, trong đó đã thay đổi nhận diện không gian giao dịch kiểu mẫu tại PGD Tây Sơn và tiếp tục áp dụng nhận diện mới đối với các điểm giao dịch còn lại của PG Bank trên cả nước. Đây là bước tiến quan trọng góp phần khẳng định hình ảnh chuyên nghiệp và năng động của PG Bank trong mắt khách hàng và đối tác.

Rà soát và nâng cao chất lượng dịch vụ

Trong năm 2011, PG Bank đã thành lập các đội giám sát chất lượng giữa các chi nhánh, hoạt động theo cơ chế bất thường, kiểm tra chéo không báo trước tại các điểm giao dịch và có báo cáo chấm điểm hàng tháng. Ngoài ra, Module Teller cũng được đưa vào sử dụng, giúp GDV thực hiện các nghiệp vụ cơ bản như mở và tất toán tiết kiệm, mở tài khoản, nộp - rút tiền mặt, chuyển khoản một cách nhanh chóng, giảm thời gian giữ chân khách hàng tại quầy. Đây là một trong những mắt xích quan trọng trong thực hiện sứ mệnh "Nâng chất lượng" của PG Bank.

Tích cực tham gia vào các hoạt động từ thiện cộng đồng

"Hướng cộng đồng", năm 2011 PG Bank đã tham gia, tài trợ nhiều chương trình từ thiện xã hội thiết thực như chạy *"Terry Fox" vì trẻ em ung thư và mắc bệnh tim; Tiếp sức mùa thi 2011*; thăm hỏi, tặng quà người già neo đơn, thương bệnh binh, trẻ mồ côi và các bệnh nhi tại các bệnh viện, Trung tâm nuôi dưỡng và bảo trợ xã hội trên cả nước vào các dịp Trung thu, Giáng sinh, v.v. mang lại sự trợ giúp đúng lúc, kịp thời cho những mảnh đời bất hạnh, là một phần quan trọng trong hoạt động "Chung tay vì cộng đồng" của PG Bank.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN

ĐVT: Tỷ VND	2007	2008	2009	2010	2011
A.KẾT QUẢ KINH DOANH					
Thu nhập lãi thuần	73	139	295	517	1.096
Thu nhập ngoài lãi	11	71	138	148	73
Lợi nhuận trước thuế	57	92	230	293	594
B.CHỈ SỐ TÀI CHÍNH					
Hệ số an toàn vốn tối thiểu (CAR)	19,8%	26,9%	12,9%	20,6%	16,7%
Tỷ lệ nợ xấu	0,1%	1,4%	1,2%	1,4%	2,1%
ROE	13,8%	11,9%	16,6%	19,4%	22%
ROA	1,4%	1,2%	2,1%	1,6%	2,6%
C.QUY MÔ HOẠT ĐỘNG					
Tổng tài sản	4.681	6.184	10.419	16.378	17.852
Tổng dư nợ	1.918	2.365	6.267	10.886	12.112
Tổng huy động	4.080	5.051	9.092	13.995	14.802
Vốn và các quỹ	543	1.026	1.093	2.173	2.591
Điểm giao dịch	9	30	51	64	74
Số lượng nhân viên	264	530	876	1.158	1.375

TỔNG TÀI SẢN

Đơn vị tính: Tỷ đồng

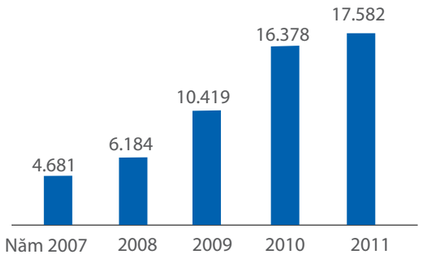

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

Đơn vị tính: Tỷ đồng

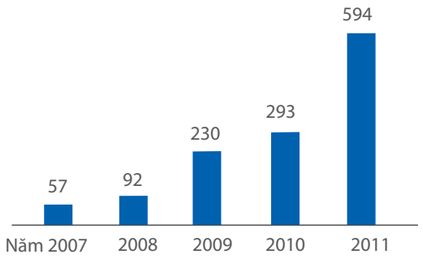

TỔNG HUY ĐỘNG

Đơn vị tính: Tỷ đồng

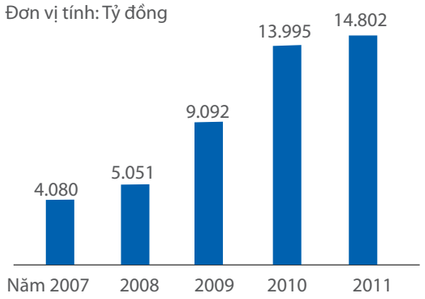

TỔNG DƯ NỢ

Đơn vị tính: Tỷ đồng

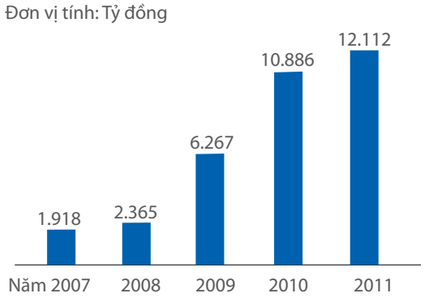

NỢ XẤU NĂM 2011

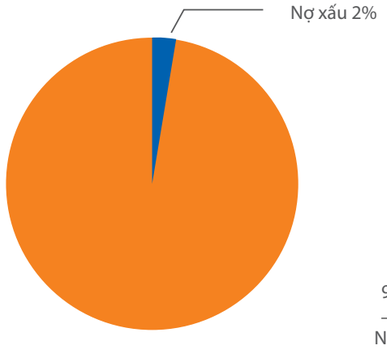

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

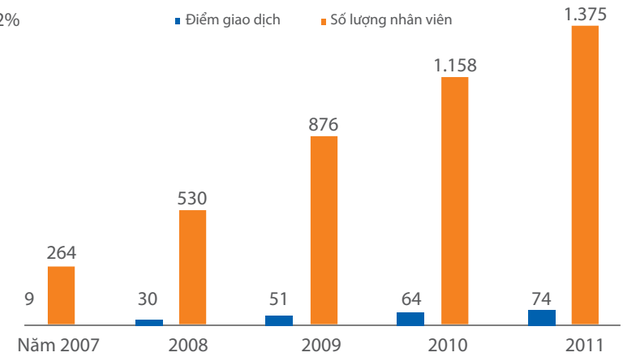

ROE

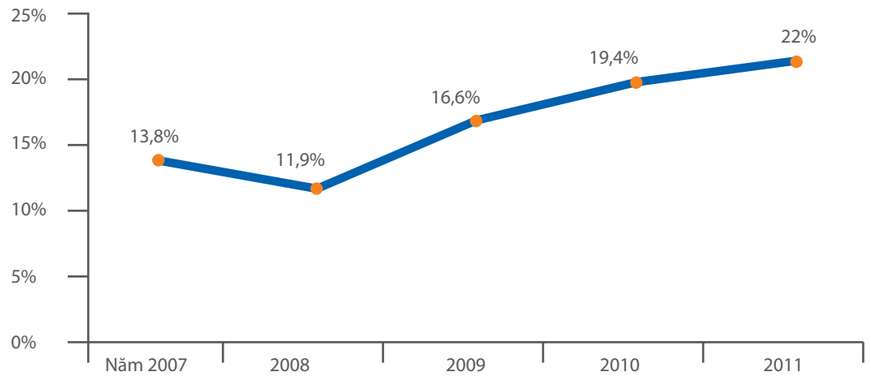

ROA

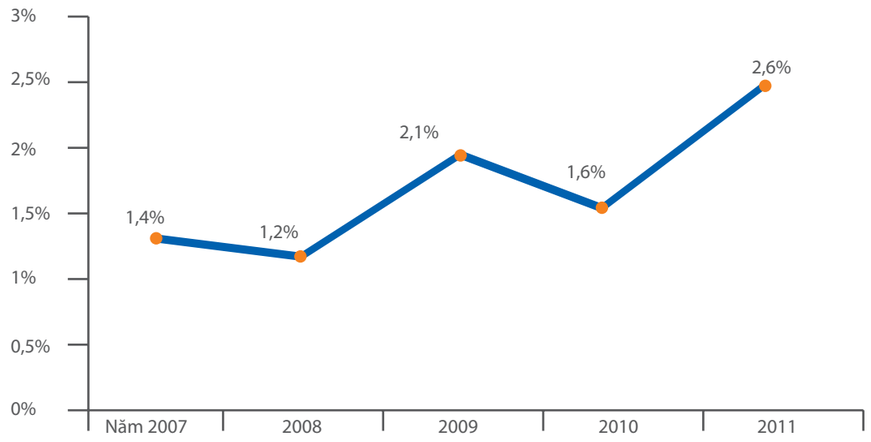

GIỚI THIỆU NGÂN HÀNG

Tên đầy đủ: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN XĂNG DẦU PETROLIMEX**

Tên tiếng Anh: Petrolimex Group Commercial Joint Stock Bank

Tên viết tắt: PG Bank

Tên giao dịch: Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex

Giấy phép thành lập: Số 0045/NH-GP của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) cấp ngày 13/11/1993

Hội sở chính: Tầng 16, 23 và 24, Tòa nhà Mipec, số 229 Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Website: www.pgbank.com.vn
- Email: dvkh.pgbank@petrolimex.com.vn
- Điện thoại: (+84) 4 6281 1298
- Fax: (+84) 4 6281 1299
- Mã số thuế: 1400116233
- Mã SWIFT: PGBLVNVX

Công ty kiểm toán: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Tel: (+84) 4 6288 3568
- Fax: (+84) 4 6288 5678

Tầm nhìn

Trở thành một trong những ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu tại Việt Nam thực hiện cung cấp các dịch vụ tài chính ngân hàng chất lượng cao dựa trên đội ngũ nhân viên nhiệt tình, chuyên nghiệp và một nền tảng công nghệ hiện đại.

Chiến lược kinh doanh

Phát triển theo mô hình ngân hàng đa năng, trong đó ưu tiên tập trung và áp dụng chiến lược khác biệt hóa để trở thành ngân hàng hàng đầu tại những lĩnh vực, dịch vụ mà PG Bank có lợi thế cạnh tranh:

- Dịch vụ ngân hàng doanh nghiệp: tập trung vào khách hàng là các cổ đông lớn, đối tác và khách hàng của các cổ đông lớn; khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ
- Dịch vụ ngân hàng bán lẻ: cá nhân, hộ kinh doanh cá thể
- Dịch vụ ngân hàng đầu tư: cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các khách hàng doanh nghiệp của ngân hàng

Giá trị cốt lõi

- Tính tuân thủ
- Tinh thần trách nhiệm
- Sáng tạo
- Tính chuyên nghiệp
- Luôn hướng đến hiệu quả.

Lịch sử phát triển

Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PG Bank), tiền thân là Ngân hàng TMCP Nông thôn Đồng Tháp Mười, hoạt động theo giấy phép số 0045/NH-GP của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) cấp ngày 13/11/1993.

2005

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) tham gia góp vốn vào Ngân hàng, trở thành hai cổ đông lớn với nhiều cam kết hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh

2007

Tháng 01: Chuyển đổi mô hình thành Ngân hàng thương mại cổ phần đô thị

Tháng 02: Chính thức đổi tên thành Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PG Bank)

Tháng 06: Khai trương PG Bank Hà Nội - Chi nhánh đầu tiên trên cả nước

Tháng 10: Tăng vốn thành công lên 500 tỷ đồng

Tháng 12: Khai trương PG Bank Sài Gòn - Chi nhánh đầu tiên ở phía Nam

Khai trương PG Bank Đà Nẵng - Chi nhánh đầu tiên ở miền Trung

2008

Tháng 01: Triển khai thành công phần mềm ngân hàng lõi i-Flex (FLEXCUBE) Core Banking

Tháng 11: Chính thức cung cấp các hoạt động Thanh toán quốc tế, thực hiện các giao dịch mua, bán ngoại hối trên thị trường nước ngoài

Tháng 12: Tăng vốn thành công lên 1.000 tỷ đồng

2009

Tháng 10: PG Bank được NHNN cấp phép thực hiện giao dịch phái sinh hàng hóa

Chính thức phát hành Flexicard - Thẻ đa năng kết hợp đầy đủ hai tính năng ghi nợ và trả trước, đồng thời là Thẻ thanh toán xăng dầu đầu tiên tại Việt Nam

Tháng 12: Được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận cho chuyển Hội sở chính từ Đồng Tháp ra Hà Nội

2010

Tháng 03: Phát hành thành công 1.000 tỷ trái phiếu chuyển đổi

Tháng 12: Tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng từ nguồn trái phiếu chuyển đổi

2011

Tháng 12: Khai trương trụ sở mới tại tòa nhà Mipec, 229 Tây Sơn (Hà Nội)

Các giải thưởng nổi bật

Ngân hàng loại A năm 2007
(Do Ngân hàng Nhà nước xếp hạng)

Ngân hàng loại A năm 2008
(Do Ngân hàng Nhà nước xếp hạng)

Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2008
(Do Thời báo Kinh tế Việt Nam và Cục Xúc tiến Thương mại (Bộ Công thương) bình chọn)

Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2009
(Do Thời báo Kinh tế Việt Nam và Cục Xúc tiến Thương mại (Bộ Công thương) bình chọn)

Doanh nghiệp Thương mại Dịch vụ Việt Nam 2009
(Do Bộ Công thương bình chọn)

Ngân hàng loại A năm 2009
(Do Ngân hàng Nhà nước xếp hạng)

Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2010
(Do Thời báo Kinh tế Việt Nam và Cục Xúc tiến Thương mại (Bộ Công thương) bình chọn)

Top 100 Doanh nghiệp Thương mại dịch vụ tiêu biểu 2010
(Do Bộ Công thương bình chọn)

Ngân hàng loại A năm 2010
(Do Ngân hàng Nhà nước xếp hạng)

Bằng khen Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch năm 2010
(do Bộ Công thương trao tặng)

Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2011
(Do Thời báo Kinh tế Việt Nam và Cục Xúc tiến Thương mại (Bộ Công thương) bình chọn)

Bằng khen của BHXH Việt Nam năm 2011
(Do Bảo hiểm xã hội Việt Nam trao tặng)

Cờ thi đua phong trào năm 2011
(Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội trao tặng)

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

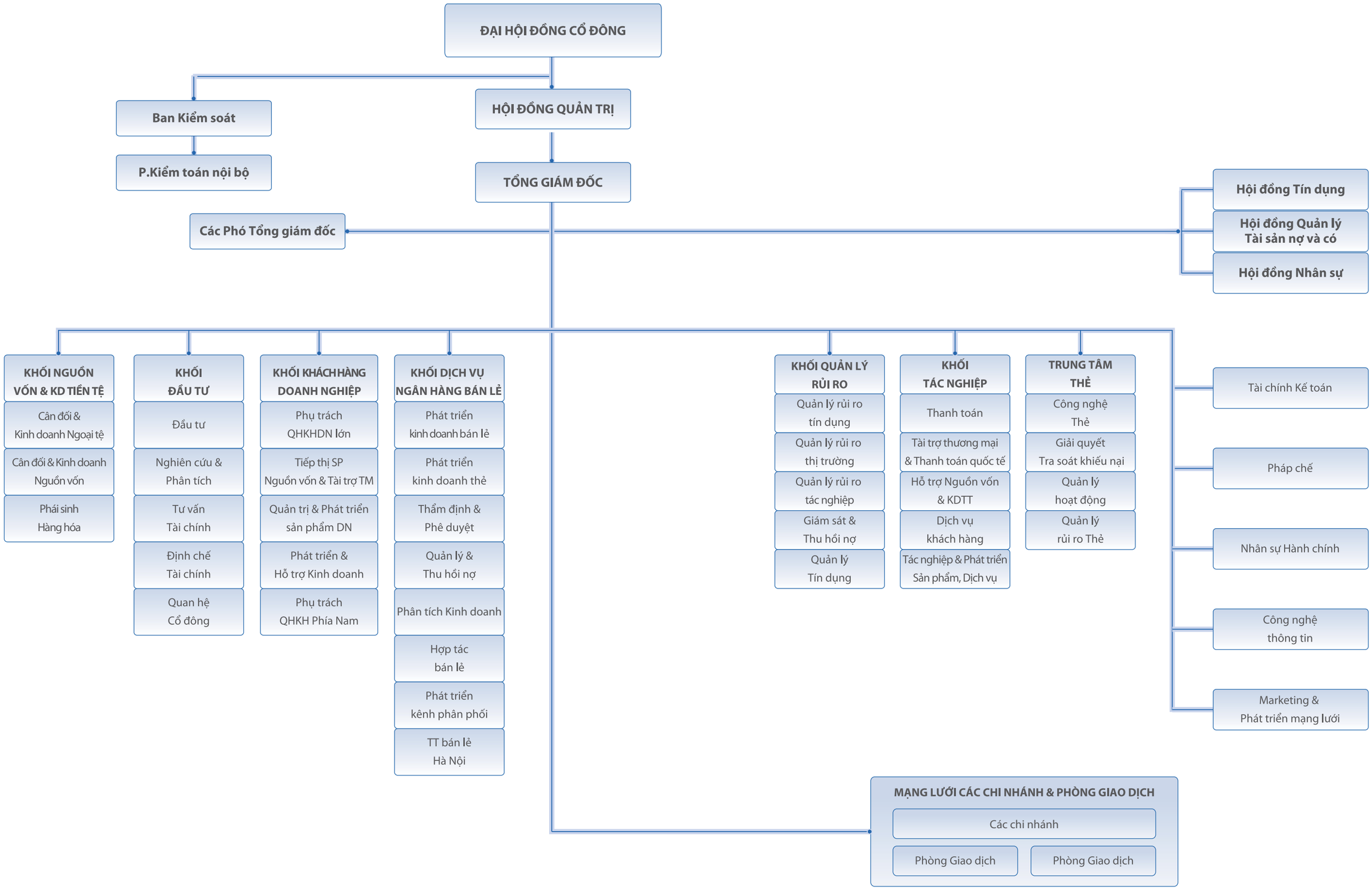
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Ban Kiểm soát
P.Kiểm toán nội bộ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG GIÁM ĐỐC
Các Phó Tổng giám đốc
Hội đồng Tín dụng
Hội đồng Quản lý Tài sản nợ và có
Hội đồng Nhân sự
KHỐI NGUỒN VỐN & KD TIỀN TỆ
Cân đối & Kinh doanh Ngoại tệ
Cân đối & Kinh doanh Nguồn vốn
Phái sinh Hàng hóa
KHỐI ĐẦU TƯ
Đầu tư
Nghiên cứu & Phân tích
Tư vấn Tài chính
Định chế Tài chính
Quan hệ Cổ đông
KHỐI KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP
Phụ trách QHKHDN lớn
Tiếp thị SP Nguồn vốn & Tài trợ TM
Quản trị & Phát triển sản phẩm DN
Phát triển & Hỗ trợ Kinh doanh
Phụ trách QHKH Phía Nam
KHỐI DỊCH VỤ NGÂN HÀNG BÁN LẺ
Phát triển kinh doanh bán lẻ
Phát triển kinh doanh thẻ
Thẩm định & Phê duyệt
Quản lý & Thu hồi nợ
Phân tích Kinh doanh
Hợp tác bán lẻ
Phát triển kênh phân phối
TT bán lẻ Hà Nội
KHỐI QUẢN LÝ RỦI RO
Quản lý rủi ro tín dụng
Quản lý rủi ro thị trường
Quản lý rủi ro tác nghiệp
Giám sát & Thu hồi nợ
Quản lý Tín dụng
KHỐI TÁC NGHIỆP
Thanh toán
Tài trợ thương mại & Thanh toán quốc tế
Hỗ trợ Nguồn vốn & KDTT
Dịch vụ khách hàng
Tác nghiệp & Phát triển Sản phẩm, Dịch vụ
TRUNG TÂM THẺ
Công nghệ Thẻ
Giải quyết Tra soát khiếu nại
Quản lý hoạt động
Quản lý rủi ro Thẻ
Tài chính Kế toán
Pháp chế
Nhân sự Hành chính
Công nghệ thông tin
Marketing & Phát triển mạng lưới
MẠNG LƯỚI CÁC CHI NHÁNH & PHÒNG GIAO DỊCH
Các chi nhánh
Phòng Giao dịch
Phòng Giao dịch

Hội đồng quản trị

1	2	3
4	5	6
7	8	9

1. Ông BÙI NGỌC BẢO

Chủ tịch HĐQT

Ông Bùi Ngọc Bảo là Tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế. Hiện nay, ông đang giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) - cổ đông lớn nhất của PG Bank. Với những thành tích xuất sắc đạt được trong quá trình công tác, ông đã vinh dự nhận nhiều bằng khen của Chính phủ và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Với vai trò là Chủ tịch HĐQT PG Bank, ông đã có những đóng góp rất quan trọng trong việc xây dựng định hướng phát triển, đồng thời, luôn có sự chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời đối với các hoạt động của Ngân hàng.

2. Ông TRẦN LONG AN

Ủy viên HĐQT

Ông Trần Long An đang giữ chức vụ Ủy viên HĐQT kiêm Trưởng BKS của Petrolimex. Ông An đã hoàn thành chương trình đào tạo Cao cấp chính trị sau khi tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Kế toán. Với nhiều năm kinh nghiệm trong ngành, ông từng nắm giữ nhiều vị trí quan trọng tại các công ty thành viên của Petrolimex như Kế toán trưởng Công ty Dầu nhờn 01, Phó Giám đốc Công ty Hóa dầu. Trong quá trình công tác, ông đã nhận được nhiều bằng khen của Thủ tướng CP, của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, và của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

3. Ông NGUYỄN QUANG ĐỊNH

Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Định đã có gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán sau khi tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế trường Đại học Tài chính Kế toán và hoàn thành chương trình Quản trị Kinh doanh của Henley Management College (UK). Gắn bó với PG Bank từ những ngày đầu chuyển đổi mô hình hoạt động thành NH TMCP đô thị với vai trò là Tổng Giám đốc, ông đã có nhiều đóng góp quan trọng đưa Ngân hàng vượt qua những giai đoạn khó khăn và đạt được những bước phát triển vượt bậc. Với những thành tích xuất sắc đạt được trong quá trình công tác, ông đã nhận được bằng khen của Bộ Công Thương và UBND TP Hà Nội.

4. Bà NGUYỄN THỊ THANH HÀ

Ủy viên HĐQT

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà đang là Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) - cổ đông lớn thứ hai của PG Bank. Bà Hà tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng. Với thâm niên gần 20 năm công tác tại những tổ chức tài chính lớn trong nước và nước ngoài, bà Hà đã có những đóng góp không nhỏ trong việc xây dựng, hoạch định chiến lược hoạt động cho PG Bank.

5. Ông NGUYỄN MẠNH HẢI

Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Khối Đầu tư

Ông Nguyễn Mạnh Hải hiện đang giữ các chức vụ: Thành viên Ban Đại diện Quỹ đầu tư năng động Việt Nam - VFA; Thành viên BKS CTCP Nhiên liệu bay Petrolimex; Giám đốc Khối Đầu tư PG Bank. Tốt nghiệp thủ khoa Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Điều hành Quốc tế của IE Business School - Madrid, Tây Ban Nha, và Cử nhân Quản trị Kinh doanh của trường Đại học Reading, Vương Quốc Anh, cùng với hơn 7 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, ông Nguyễn Mạnh Hải đã có những đóng góp nhất định cho sự phát triển vững mạnh của Khối Đầu tư và PG Bank. Tháng 9/2010, ông được bổ nhiệm vị trí Giám đốc Khối Đầu tư và kiêm nhiệm vai trò Ủy viên HĐQT từ tháng 4/2011.

6. Ông VÕ VĂN HIỆP

Ủy viên HĐQT độc lập

Ông Võ Văn Hiệp hiện là Giám đốc của VI (Vietnam Investments) Partners, LLC và Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Việt Nam Chitin. Tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh của Đại học Harvard - đại học hàng đầu thế giới và Cử nhân Học viện Quân sự West Point - Hoa Kỳ, ông Võ Văn Hiệp đã có 14 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng tại các Tập đoàn Tài chính lớn như Citi Group, VN Partners và Deutsche Bank. Tháng 4/2011, ông được bổ nhiệm là Ủy viên HĐQT độc lập PG Bank.

7. Ông TRẦN NGỌC NĂM

Ủy viên HĐQT

Ông Trần Ngọc Năm đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Petrolimex, đồng thời giữ vai trò là Người phát ngôn của Tập đoàn từ ngày 14/03/2012. Nhờ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, ông đã vinh dự nhận được bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Là Cử nhân chuyên ngành Kế toán, với hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán, đồng hành cùng PG Bank từ những ngày đầu chuyển đổi sang mô hình Ngân hàng TMCP đô thị, ông đã có những đóng góp quan trọng trong việc xây dựng hệ thống quản trị ngân hàng ngày càng phát triển vững chắc.

8. Ông ĐINH THÀNH NGHIỆP

Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ông Đinh Thành Nghiệp từng giữ chức Giám đốc Ngân hàng TMCP Đồng Tháp Mười - tiền thân của PG Bank. Sau khi chuyển đổi thành Ngân hàng TMCP đô thị, ông đảm nhiệm vai trò là Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc PG Bank. Ông Nghiệp tốt nghiệp Đại học Kinh tế và Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời đã hoàn thành chương trình đào tạo Cao cấp Lý luận Chính trị. Với nhiều năm kinh nghiệm ở các vị trí quản lý, ông đã góp phần quan trọng dẫn dắt PG Bank đi qua những năm tháng đầu đầy khó khăn để có được những thành công rực rỡ như hiện nay.

9. Ông LÊ MINH QUỐC

Ủy viên HĐQT

Tốt nghiệp Tiến sĩ về Địa chất - Vật lý tại Liên bang Nga, hiện ông Lê Minh Quốc đang đảm nhiệm các chức vụ: Chủ tịch HĐTV Công ty Việt Năng; Phó Giám đốc CTCP Mipec; Giám đốc CTCP Mipecland. Với hơn 15 năm kinh nghiệm quản lý, ông Lê Minh Quốc đã có nhiều đóng góp tích cực cho sự phát triển của PG Bank.

Ban kiểm soát

1 2 3

1. Ông NGUYỄN QUỐC TRUNG

Trưởng Ban kiểm soát

Hiện nay, ông Nguyễn Quốc Trung đang phụ trách kiểm soát nội bộ của Total Refinery and Marketing Asia. Tốt nghiệp đại học Thương mại năm 1993, ông Trung đã có hơn 17 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực tài chính tại các công ty lớn như: Kế toán trưởng Công ty liên doanh BP Petco, Giám đốc Tài chính Công ty liên doanh hoá chất PTN và Schmidt Vietnam Co.

Tháng 9/2010, ông được bầu làm Trưởng ban Kiểm soát PG Bank.

2. Bà TRỊNH THỊ QUỲNH HƯƠNG

Thành viên Ban kiểm soát

Tốt nghiệp Đại học Tài chính kế toán, bà Trịnh Thị Quỳnh Hương đã có hơn 20 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực kế toán và ngân quỹ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Tháng 9/ 2010, bà chính thức được bầu vào Ban Kiểm soát PG Bank.

3. Ông NGUYỄN QUANG NGHỊ

Thành viên Ban Kiểm soát

Tốt nghiệp Thạc sỹ Kế toán và Cử nhân Tài chính tín dụng, ông Nguyễn Quang Nghị đã đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại Tổng Công ty Thủy sản Hạ Long và Công ty Xăng dầu Bắc Thái. Tháng 9 năm 2010, ông chính thức được bầu vào Ban Kiểm soát PG Bank.

Ban Điều hành

1 2 3
4 5

1. Ông NGUYỄN QUANG ĐỊNH *

Tổng Giám đốc

(Xem phần "Giới thiệu HĐQT")

2. Ông NGUYỄN TIẾN DŨNG

Phó Tổng Giám đốc

Phụ trách Khối Khách hàng Doanh nghiệp

Ông Nguyễn Tiến Dũng tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính Ngân hàng tại CFVG (Trung tâm Pháp Việt Đào tạo về Quản lý) và Đại học Kinh tế quốc dân. Trước khi gia nhập PG Bank, ông Dũng đã có 15 năm công tác trên cương vị quản lý tại các Ngân hàng lớn như Trưởng phòng Kinh doanh ngân hàng Woori-HN, PGĐ chi nhánh Hoàn Kiếm - Techcombank. Tháng 12/2009, ông Dũng được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc PG Bank.

3. Ông NGUYỄN HỒNG ĐỨC

Phó Tổng Giám đốc

Phụ trách quan hệ Định chế tài chính, Nhân sự Hành chính, Marketing và Phát triển mạng lưới

Ông Nguyễn Hồng Đức tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị Kinh doanh của Viện Công nghệ Châu Á (AIT) và Cử nhân Kinh tế Đối ngoại của Đại học Ngoại thương. Ông Đức đã có hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng và từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như: Phó Tổng Giám đốc của Ngân hàng Chinfon - Chi nhánh Cambodia, Phó Chủ tịch - Phụ trách Định chế Tài chính - Ngân hàng Citibank, Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu và Phó Tổng Giám đốc của Ngân hàng TMCP Tiên Phong. Ông được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc PG Bank từ tháng 5/2011.

4. Ông ĐINH THÀNH NGHIỆP *

Phó Tổng Giám đốc

Phụ trách khu vực phía Nam.

(Xem phần "Giới thiệu HĐQT")

5. Ông NGUYỄN THÀNH TÔ

Phó Tổng Giám đốc

Phụ trách Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ

Tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh của trường Đại học Nam California, Mỹ và cử nhân Kinh tế của Học viện Ngân hàng, ông Nguyễn Thành Tô đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Trước khi gia nhập PG Bank, ông đã từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý cấp cao như: Phó Trưởng phòng kinh doanh Ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Phó Giám đốc Công ty Tài chính Việt Nam tại Hồng Kong và Phó Tổng Giám đốc Công ty tài chính Vinaconex - Viettel. Ông cũng đã tham dự nhiều khóa đào tạo chuyên sâu về kinh doanh tiền tệ, ngoại hối và sản phẩm thị trường tài chính tại nhiều nước trên thế giới. Tháng 9/2010 Ông được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc PG Bank.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

(Cập nhật tại thời điểm 31/12/2011)

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Tổ chức	**11**	**122.034.414**	**61,02%**
Nhà nước	1	80.000.000	40,00%
Nước ngoài	-	-	-
Khác	-	42.034.414	21,02%
Cá nhân	**1.637**	**77.965.586**	**38,98%**
Tổng cộng	**1.649**	**200.000.000**	**100,00%**

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA THÀNH VIÊN HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bùi Ngọc Bảo	Chủ tịch HĐQT	44.000	0,022%
2	Trần Long An	Ủy viên HĐQT	298.500	0,149%
3	Nguyễn Quang Định	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	22.000	0,011%
4	Nguyễn Mạnh Hải	Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Khối Đầu tư	11.200	0,006%
5	Lê Minh Quốc	Ủy viên HĐQT	9.314.000	4,660%
6	Đinh Thành Nghiệp	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc	2.047.948	1,024%
7	Trần Ngọc Năm	Ủy viên HĐQT	-	-
8	Nguyễn Thị Thanh Hà	Ủy viên HĐQT	-	-
9	Võ Văn Hiệp	Ủy viên HĐQT độc lập	-	-
	Tổng cộng		**11.737.648**	**5,872%**

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Quang Định	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	22.000	0,011%
2	Đinh Thành Nghiệp	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc	2.047.948	1,024%
3	Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng Giám Đốc	-	-
4	Nguyễn Thành Tô	Phó Tổng Giám Đốc	-	-
5	Nguyễn Hồng Đức	Phó Tổng Giám Đốc	-	-
	Tổng cộng		**2.069.948**	**1,035%**

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Quốc Trung	Trưởng BKS	-	-
2	Trịnh Thị Quỳnh Hương	Thành viên BKS	-	-
3	Nguyễn Quang Nghị	Thành viên BKS	-	-
	Tổng cộng		**0**	**0%**

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên cổ đông	Loại cổ phần	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex)	Cổ phần phổ thông	80.000.000	40,00%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)	Cổ phần phổ thông	19.955.500	9,98%
	Tổng cộng		**99.995.500**	**49,98%**

Giới thiệu cổ đông lớn

TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM (PETROLIMEX)

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) là cổ đông lớn nhất của PG Bank (chiếm 40% vốn điều lệ). Petrolimex là doanh nghiệp đặc biệt, có nhiệm vụ kinh tế - chính trị được giao là bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước giao đồng thời giữ vai trò chủ lực, chủ đạo điều tiết, ổn định và phát triển thị trường xăng dầu, sản phẩm hóa dầu, phục vụ đắc lực cho công cuộc Công nghiệp hoá – Hiện đại hoá đất nước. Hiện tại, Tập đoàn cung cấp khoảng 54% - 55% thị phần xăng dầu nội địa, với quy mô hoạt động bao gồm 6.100 cửa hàng bán lẻ xăng dầu và cửa hàng đại lý dưới thương hiệu Petrolimex trên toàn quốc.

Bên cạnh lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, Petrolimex đầu tư kinh doanh vào nhiều ngành nghề khác như thiết kế, xây lắp cơ khí, bảo hiểm, ngân hàng, v.v. và đạt được nhiều thành công lớn.

Kết quả cả năm 2011, tổng doanh thu kinh doanh của Petrolimex đạt 177.00 tỷ đồng, nộp ngân sách Nhà nước 24.000 tỷ đồng.

Mạng lưới hoạt động bao gồm:

Trong nước:

- 01 Văn phòng Tập đoàn
- 42 Công ty TNHH MTV Xăng dầu trong nước
- 23 Công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Tập đoàn
- 03 Công ty liên kết
- 03 Công ty liên doanh với nước ngoài

Nước ngoài:

- 01 Công ty TNHH MTV tại Singapore
- 01 Công ty TNHH MTV tại Lào
- 01 VPĐD tại Campuchia

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài gòn (SSI) là cổ đông lớn thứ 2 của PG Bank sau Petrolimex (chiếm 9,98% vốn điều lệ). SSI là một trong những tổ chức tài chính hàng đầu và uy tín nhất tại thị trường Việt Nam. Với tiềm lực tài chính vững mạnh, đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp, SSI là ĐCTC đầu tiên trên thị trường Việt Nam cung cấp đa dạng các sản phẩm dịch vụ tài chính theo tiêu chuẩn quốc tế. Công ty cam kết cung cấp cho khách hàng các sản phẩm, dịch vụ vượt trội. Nhờ vậy, SSI không những thu hút được sự quan tâm của các nhà đầu tư trong nước, mà còn của nhiều nhà đầu tư nước ngoài danh tiếng như ANZ, Daiwa, JP Morgan, HSBC, Credit Suisse, Citigroup, Morgan Stanley, Deutsche Bank, Barclays, Wells Fargo, v.v. Bên cạnh đó, SSI cũng là cửa ngõ vào thị trường Việt Nam của các nhà đầu tư quốc tế với nhiều hoạt động kết nối giữa nhà đầu tư và thị trường.

Mạng lưới hoạt động của SSI:

- 01 Trụ sở chính
- 06 Chi nhánh
- 04 Phòng giao dịch
- 03 Công ty con
- 04 Công ty liên kết

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2011

BỐI CẢNH NỀN KINH TẾ VÀ NGÀNH NGÂN HÀNG NĂM 2011

Năm 2011 tiếp tục là một năm nhiều khó khăn với nền kinh tế Việt Nam khi vừa phải đối mặt với những diễn biến phức tạp và khó lường của nền kinh tế thế giới, vừa phải giải quyết những khó khăn nội tại. Nhìn lại năm vừa qua, nền kinh tế đã đạt được một số thành quả rất đáng khích lệ như nhập siêu đạt 9,8 tỷ USD, bằng 10% kim ngạch xuất khẩu và thấp hơn nhiều so với kế hoạch ban đầu là 16%; bội chi ngân sách giảm xuống còn 4,9% GDP; chất lượng giải ngân FDI cao. Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn hàng loạt những thách thức cần giải quyết như GDP tăng 5,89% - thấp nhất trong 10 năm qua; lạm phát tăng vọt lên 18,13%; lãi suất quá cao ảnh hưởng lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; thị trường bất động sản đóng băng trong khi thị trường chứng khoán liên tục lập đáy mới; niềm tin của nhà đầu tư giảm sút trầm trọng. Trước tình hình đó, để giữ ổn định nền kinh tế vĩ mô, Chính phủ đã điều chỉnh mục tiêu từ tăng trưởng cao sang kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô.

Là một trong những ngành chịu tác động lớn từ những chính sách điều hành vĩ mô của Chính phủ và NHNN, ngành ngân hàng Việt Nam đã trải qua một năm với không ít thăng trầm. Chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng bị thu hẹp, cầu tín dụng giảm, nợ xấu gia tăng, các rủi ro về thanh khoản, hoạt động và lãi suất trở nên rõ ràng, đặt ra yêu cầu cấp thiết cho các ngân hàng phải có những chiến lược phù hợp với tình hình mới. NHNN tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng, linh hoạt nhằm hạn chế tăng trưởng tín dụng quá nóng, giảm lạm phát, bình ổn thị trường vàng, ngoại tệ, hướng luồng vốn tới khu vực sản xuất kinh doanh, và lành mạnh hóa hệ thống Ngân hàng.

Trong bối cảnh đó, với sự đồng lòng, nhất trí của toàn bộ CBCNV Ngân hàng, PG Bank tự hào đã vượt qua được chặng đường đầy khó khăn, đạt được những thành quả rất đáng trân trọng.

HUY ĐỘNG VỐN

Xác định công tác huy động vốn là nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2011, ngay từ đầu năm PG Bank đã tập trung chỉ đạo, đẩy mạnh công tác tiếp thị, đa dạng hóa các sản phẩm huy động, triển khai hiệu quả các chương trình khuyến mại. Bên cạnh đó, chính sách huy động vốn cũng đã có những điều chỉnh kịp thời, linh hoạt để đảm bảo nguồn vốn Ngân hàng luôn được giữ ổn định, tăng trưởng phù hợp trong từng thời kỳ với mức chi phí vốn hợp lý.

PG Bank luôn đảm bảo cơ cấu nguồn vốn đa dạng, hợp lý và có tính ổn định cao. Nguồn huy động từ thị trường 1, nguồn bền vững nhất, luôn chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng nguồn vốn của Ngân hàng. Ngoài ra, với tỷ trọng vốn chủ sở hữu luôn ở mức cao, tỷ lệ an toàn vốn (CAR) của PG Bank luôn được đảm bảo.

Tại 31/12/2011, tổng nguồn vốn huy động của PG Bank đạt mức 14.802 tỷ đồng, tăng 6% so với năm 2010, trong đó nguồn vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư đạt 11.444 tỷ đồng, chiếm tới 77%.

TĂNG TRƯỞNG NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG

Đơn vị tính: Tỷ đồng

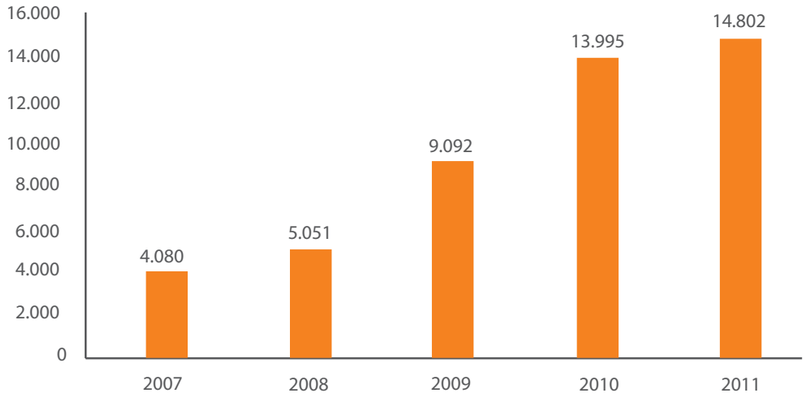

HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG

Nghiêm túc thực hiện chủ trương của NHNN về kiểm soát tín dụng, đồng thời xác định môi trường kinh tế vĩ mô sẽ đối mặt với nhiều khó khăn, ngay từ đầu năm 2011, PG Bank đã chủ động thực hiện chính sách tăng trưởng tín dụng thận trọng, đặt mục tiêu chất lượng tín dụng lên hàng đầu. Tổng dư nợ cho vay cả năm 2011 chỉ tăng 11,2% so với năm 2010, đạt mức 12.112 tỷ đồng. Trong khi đó, công tác nâng cao chất lượng tín dụng, kiểm soát chặt chẽ trước, trong và sau khi giải ngân được PG Bank quán triệt thực hiện, giúp Ngân hàng kiểm soát tốt các khoản cho vay, duy trì các tỷ lệ nợ xấu, nợ quá hạn ở mức hợp lý và thấp hơn nhiều so với trung bình của hệ thống. Đồng thời, cơ cấu nợ vay vẫn giữ ổn định ở mức hợp lý với tỷ trọng dư nợ ngắn hạn chiếm 70% tổng dư nợ.

Năm 2011, PG Bank tiếp tục định hướng tín dụng tập trung vào các nhóm ngành có nhiều tiềm năng và ít rủi ro như: xăng dầu, thủy sản, nông lâm sản, dệt may v.v. Tỷ trọng dư nợ phi sản xuất so với tổng dư nợ chiếm 7,06%, giảm 11,61% so với năm 2010 và thấp hơn nhiều so với mức quy định của NHNN.

Xuất phát điểm từ ngân hàng phục vụ địa bàn nông thôn đầy tiềm năng, PG Bank có lợi thế rất lớn trong am hiểu thị trường cũng như duy trì lượng khách hàng lớn. Trong những năm qua, PG Bank luôn chú trọng phát triển tín dụng trong lĩnh vực nông nghiệp – nông thôn, đặc biệt tại khu vực miền Tây Nam Bộ. Thông qua nguồn vốn tín dụng của mình, PG Bank đã góp phần phát triển các ngành nghề như: chế biến thủy sản xuất khẩu, nuôi cá tra xuất khẩu, kinh doanh vật tư nông nghiệp, v.v. nhất là tại địa bàn tỉnh Đồng Tháp – mảnh đất khai sinh của Ngân hàng. Năm 2011, PG Bank đã được NHNN cấp vốn ưu đãi (400 tỷ đồng) để tiếp tục triển khai các chương trình hỗ trợ tín dụng nông nghiệp – nông thôn.

Thực hiện chủ trương tiếp cận các nguồn tài trợ ưu đãi, năm 2011, PG Bank tiếp tục tham gia vào Dự án tài trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEFP III) do Ban Quản lý các Dự án tín dụng quốc tế NHNN quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA từ Nhật Bản trong cho vay trung và dài hạn với lãi suất ưu đãi. Với hạn mức được cấp, PG Bank đã thực hiện chính sách cho vay ưu đãi cho các doanh nghiệp đủ điều kiện. Cho vay các dự án SMEFP III không chỉ hỗ trợ nguồn vốn ưu đãi cho khách hàng, tăng khả năng cạnh tranh mà còn góp phần nâng cao uy tín của PG Bank trong việc tham gia các dự án tài trợ quốc tế.

CÂN ĐỐI VÀ KINH DOANH NGUỒN VỐN

Năm 2011 tiếp tục là một năm thành công đối với các hoạt động cân đối và kinh doanh nguồn vốn của PG Bank. Trong điều kiện hết sức khó khăn của thị trường, nhiều ngân hàng mất khả năng thanh khoản thì PG Bank vẫn duy trì tốt khả năng thanh khoản của mình, được Ngân hàng Nhà nước và thị trường liên ngân hàng đánh giá cao. Ngoài ra, bên cạnh việc đảm bảo các tỷ lệ an toàn theo quy định, PG Bank cũng quản lý và sử dụng nguồn vốn một cách hiệu quả. Các nghiệp vụ vay gửi liên ngân hàng (LNH), phái sinh lãi suất, trái phiếu Chính phủ được đẩy mạnh thực hiện vừa mang lại lợi nhuận cao cho Ngân hàng, đồng thời nâng cao uy tín của PG Bank trên thị trường trong và ngoài nước.

Năm 2011, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh vốn trên thị trường LNH đạt hơn 31 tỷ đồng. Nghiệp vụ đầu tư trái phiếu Chính phủ và hoán đổi lãi suất cũng tăng trưởng vượt bậc, trong đó lợi nhuận từ phí hoán đổi lãi suất đạt 1,3 tỷ đồng, lợi nhuận từ kinh doanh trái phiếu Chính phủ đạt 3,47 tỷ đồng.

CƠ CẤU DƯ NỢ THEO THỜI GIAN TẠI 31/12/2011

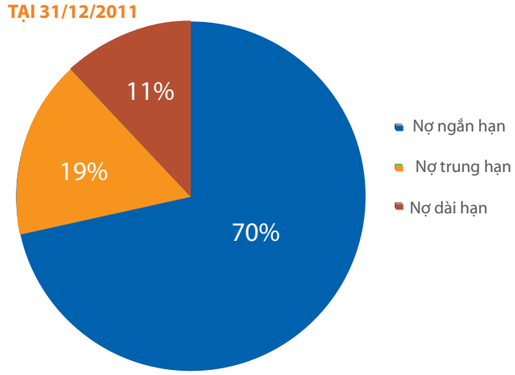

TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG

Đơn vi tính: Tỷ đồng

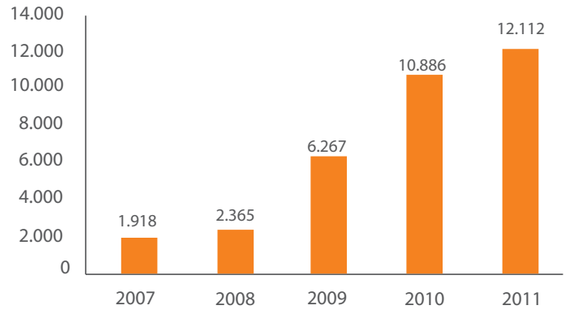

KINH DOANH NGOẠI TỆ

PG Bank tiếp tục là một trong những ngân hàng TMCP hàng đầu về doanh số và hiệu quả hoạt động kinh doanh ngoại hối, lợi nhuận năm 2011 đạt 108 tỷ, tăng 170% so với 2010.

Tổng doanh số mua bán ngoại tệ của Ngân hàng năm 2011 đạt 11,5 tỷ USD, tăng 49,6% so với năm 2010, trong đó doanh số mua bán trên thị trường LNH đạt 6,4 tỷ USD, tăng 41% so với năm 2010 và chiếm 55% trên tổng doanh số giao dịch.

DOANH SỐ MUA BÁN NGOẠI TỆ

Đơn vị tính: Tỷ USD

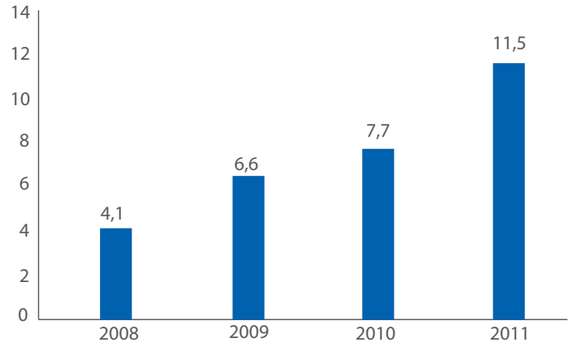

PHÁI SINH HÀNG HÓA

Hoạt động phái sinh hàng hóa được triển khai từ năm 2009 đã tiếp tục được đẩy mạnh, thu về những kết quả đáng khích lệ. Quy mô khách hàng tiếp tục tăng trưởng, đối tượng khách hàng được đa dạng hóa, trong đó có nhiều khách hàng giao dịch thường xuyên với khối lượng ổn định. Năm 2011 lợi nhuận từ hoạt động này đạt 2,3 tỷ đồng, tăng 44% so với năm 2010.

Trong năm 2011, PG Bank đã cung cấp thành công phương thức đặt lệnh online cho khách hàng và nhận được nhiều phản hồi rất tích cực. Ngoài ra, PG Bank cũng có các công cụ để khách hàng có thể truy vấn thông tin, cập nhật tình hình thị trường hàng hoá một cách nhanh chóng và đầy đủ nhất. Khách hàng của PG Bank có thể kết nối và giao dịch trực tuyến tới hầu hết các Sở giao dịch hàng hóa lớn trên thế giới như CME, ICE, LME, v.v.

HOẠT ĐỘNG THANH TOÁN VÀ TÀI TRỢ THƯƠNG MẠI

Năm 2011, chất lượng dịch vụ không ngừng được cải thiện thông qua rà soát hệ thống văn bản quy định và hướng dẫn nghiệp vụ, đồng thời phát triển, cải tiến phần mềm hỗ trợ giao dịch tại quầy. Việc áp dụng phần mềm hạch toán tự động giúp giảm thiểu sai sót và rút ngắn thời gian giao dịch từ 30-60%, được khách hàng đánh giá cao.

Bên cạnh đó, công tác mở rộng mạng lưới ngân hàng đại lý cũng được PG Bank rất chú trọng, bởi đây là nền tảng quan trọng giúp phát triển hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại. Theo đó, trong năm 2011, Ngân hàng đã thiết lập mới quan hệ ngân hàng đại lý với 20 ĐCTC, trong đó có 15 ĐCTC nước ngoài, nâng tổng số ĐCTC có quan hệ ngân hàng đại lý với PG Bank lên con số 295 ĐCTC trải khắp 54 quốc gia trên thế giới.

Nhờ nâng cao chất lượng dịch vụ và mở rộng phạm vi hoạt động, doanh số thanh toán và tài trợ thương mại của Ngân hàng trong năm 2011 đã tăng mạnh so với năm ngoái. Cụ thể, tổng số giao dịch xử lý trong năm đạt 196.569 giao dịch, ước tăng 45%. Tổng số LC phát hành đạt 447 LC với trị giá 245 triệu USD. Nhờ thu hàng nhập đạt 136 món, trị giá 16,2 triệu USD, tăng 32% về giá trị so với năm 2010. Thanh toán xuất khẩu đạt 467 giao dịch với tổng giá trị đạt 73 triệu USD.

CÔNG TÁC KINH DOANH THẺ

Với hai tính năng Trả trước và Ghi nợ, thẻ Flexicard của PG Bank trở thành thẻ thanh toán xăng dầu đầu tiên tại Việt Nam, được chấp nhận tại 2.100 điểm bán xăng dầu Petrolimex. Công tác kinh doanh thẻ sau phát hành được liên tục đẩy mạnh và bước đầu thu về những thành quả rất ấn tượng.

CƠ CẤU THẺ FLEXICARD TẠI 31/12/2011

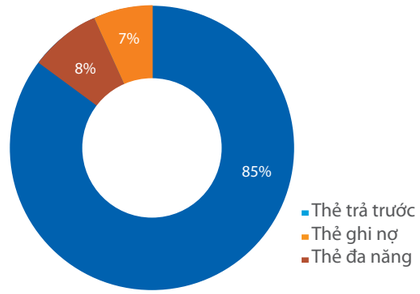

Năm 2011, tổng số lượng thẻ phát hành mới đạt 117.980 thẻ, trong đó, đáng chú ý là mức tăng rất mạnh của thẻ ghi nợ. Như vậy, tổng số thẻ Flexicard đã phát hành đạt gần 600.000 thẻ, gấp 5 lần số lượng thẻ cuối 2009, năm đầu tiên ra mắt thẻ Flexicard.

Cùng với số lượng thẻ phát hành mới tăng nhanh, hoạt động thanh toán qua thẻ cũng ghi nhận những bước phát triển đáng khích lệ. Số lượng giao dịch qua POS tại cửa hàng xăng dầu cả năm 2011 đạt 5,3 triệu giao dịch. Giá trị thanh toán bằng thẻ Flexicard đạt 6.407 tỷ đồng, tăng 39% so với năm 2010, chiếm 66,02% doanh số thanh toán thẻ nội địa của Việt Nam, dẫn đầu thị trường về doanh số thanh toán thẻ nội địa.

TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Tư vấn Tài chính doanh nghiệp là mảng hoạt động kinh doanh mới, đặc thù, có rủi ro thấp và nhiều tiềm năng phát triển. Cùng với các sản phẩm truyền thống của ngân hàng, Tư vấn Tài chính doanh nghiệp góp phần vào việc cung cấp trọn gói bộ sản phẩm, dịch vụ tài chính – ngân hàng dành cho nhóm khách hàng doanh nghiệp, đáp ứng đầy đủ mọi nhu cầu từ nhóm khách hàng này.

Sau gần hai năm hoạt động, nghiệp vụ Tư vấn Tài chính của PG Bank đã đạt được những thành quả bước đầu đáng khích lệ. Năm 2011, tổng mức lợi nhuận ròng của từ nghiệp vụ này đạt 2,7 tỷ đồng.

Một số thương vụ tư vấn nổi bật mà PG Bank thực hiện bao gồm: Tư vấn mua lại Công ty Chevron Lào của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam; Tư vấn phát hành trái phiếu cho nhiều doanh nghiệp lớn.

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Xác định công nghệ thông tin là nền tảng cốt lõi để triển khai hiệu quả các ứng dụng/dịch vụ hiện đại, hệ thống công nghệ thông tin của PG Bank đã không ngừng được cải tiến và hoàn thiện. Corebanking của PG Bank đã và đang ứng dụng những công nghệ tiến bộ nhất của Oracle FLEXCUBE, một trong những giải pháp ngân hàng hàng đầu đang được sử dụng rộng rãi bởi gần 400 khách hàng Định chế tài chính thuộc khoảng 125 quốc gia trên thế giới.

Tính an toàn và công tác bảo mật hệ thống luôn được PG Bank đặt lên hàng đầu. Các hệ thống firewall, hệ thống rà quét lỗ hổng bảo mật và hệ thống antivirus đã được triển khai lắp đặt nhằm ngăn chặn các tấn công từ bên ngoài và bên trong hệ thống tới các máy chủ của Ngân hàng. Thêm vào đó, PG Bank đã triển khai hệ thống máy chủ dự phòng cách xa trung tâm chính, đảm bảo các tiêu chí an toàn theo chuẩn quốc tế, nhằm đảm bảo mọi kết nối từ các Chi nhánh về trung tâm dự phòng luôn ở trạng thái sẵn sàng khi hệ thống chính gặp sự cố nghiêm trọng. Các quy trình ứng phó cũng không ngừng được cập nhật và cải tiến.

Với phương châm luôn hướng tới phong cách phục vụ chuyên nghiệp, trong năm 2011, hệ thống Contact center với một đầu số duy nhất 1900555574, chương trình nhắc nợ tự động qua SMS và email đã đi vào hoạt động. Dịch vụ Internet Banking cũng liên tục được cải tiến và hoàn thiện, ngày càng khẳng định ưu thế nổi trội trong giao dịch trực tuyến, hỗ trợ khách hàng giao dịch thuận tiện, an toàn và nhanh chóng nhất. Bên cạnh đó, dự án thẻ quốc tế Visa cũng đang trong quá trình hoàn thiện và dự kiến ra mắt sản phẩm vào tháng 7/2012.

QUẢN TRỊ RỦI RO

PG Bank nhận thức rõ quản trị rủi ro luôn đóng vai trò quan trọng hàng đầu trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Chính vì vậy, tại PG Bank, công tác quản lý rủi ro không ngừng được hoàn thiện và nâng cao, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển mạnh mẽ của Ngân hàng trong thời gian qua và những năm sắp tới.

Cơ cấu tổ chức hoạt động quản lý rủi ro của PG Bank được tổ chức chặt chẽ như sau:

- Các Ủy ban Quản lý rủi ro: Hội đồng Tín dụng và Hội đồng ALCO
- Khối Quản lý rủi ro (QLRR): bao gồm các phòng QLRR Tín dụng, QLRR Thị trường, QLRR Tác nghiệp, Giám sát và Thu hồi nợ, Quản lý Tín dụng
- Các cấp kiểm soát, quản lý tại các đơn vị kinh doanh cùng các chốt kiểm soát tại từng bộ phận nghiệp vụ.

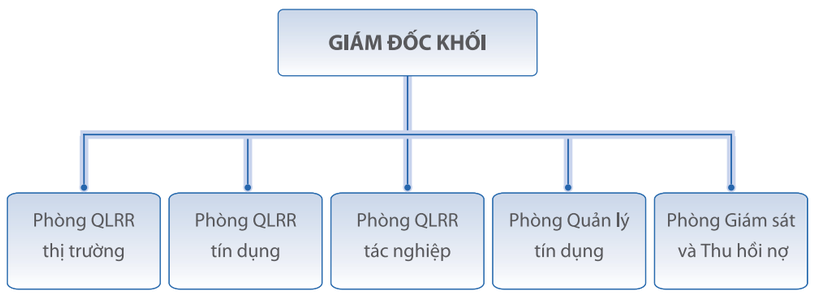

Trong đó, Khối QLRR là đơn vị độc lập, chuyên trách về quản lý và kiểm soát rủi ro của toàn hệ thống, báo cáo trực tiếp lên Ban Tổng Giám đốc. Sự ra đời của Khối vào năm 2010 đã ghi nhận bước tiến đáng kể trong nỗ lực hướng tới tính chuyên nghiệp, và chuẩn mực quốc tế trong hoạt động QLRR của PG Bank, đảm bảo bộ phận kiểm soát rủi ro độc lập và tách biệt với các bộ phận kinh doanh. Bên cạnh cơ chế giám sát và quản lý của HĐQT, Ban điều hành, rất nhiều văn bản đã được ban hành nhằm chuẩn hóa hệ thống quản trị rủi ro như: Quy chế quản lý rủi ro, Quy định nội bộ về quản lý rủi ro lãi suất, Quy định nội bộ về quản lý rủi ro thanh khoản, Quy định về quản lý rủi ro tác nghiệp. Với cơ cấu tổ chức và quy chế hoạt động ngày càng được hoàn thiện, Khối đã phát huy vai trò quan trọng trong công tác kiểm soát, giảm thiểu và phòng ngừa rủi ro trên toàn hệ thống.

Trong năm 2011, đối mặt với tình hình suy giảm của nền kinh tế, rủi ro nợ xấu và thanh khoản tăng cao, hoạt động quản lý rủi ro tại PG Bank càng được chú trọng đẩy mạnh và củng cố, không chỉ trong nội bộ Khối QLRR mà tại tất cả các đơn vị trong toàn hệ thống.

Công tác ban hành mới các quy trình nghiệp vụ kinh doanh, quy trình thu thập và quản lý tổn thất, được triển khai đồng thời với công tác rà soát, sửa đổi, bổ sung những quy định cũ, đã giúp hoàn thiện, chuẩn hóa các nghiệp vụ, hạn chế tối đa những rủi ro và tổn thất có thể phát sinh trong hoạt động kinh doanh.

Bên cạnh công tác hoàn thiện quy trình nghiệp vụ, công tác kiểm soát và giám sát rủi ro cũng được đẩy mạnh. Song song với việc thực hiện tái thẩm định hồ sơ cấp tín dụng, trong năm 2011, Khối QLRR đã thực hiện nghiêm túc công tác giám sát tín dụng từ xa, tiến hành nhiều đợt kiểm tra hồ sơ tín dụng của các đơn vị kinh doanh, thực hiện đánh giá rủi ro tác nghiệp trong hoạt động của các Khối tại Hội sở như Trung tâm Thẻ, Khối Tác nghiệp, Khối Nguồn vốn v.v.

Với những cố gắng và nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên trong hệ thống, hoạt động quản trị rủi ro của PG Bank đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Tồn tại trong môi trường cạnh tranh khốc liệt, phải đối mặt với những thử thách không nhỏ đến từ nền kinh tế và các chính sách vĩ mô của Chính phủ, PG Bank vẫn đảm bảo kiểm soát tốt chất lượng các khoản cho vay. Tỷ lệ nợ xấu của Ngân hàng cuối năm 2011 thấp hơn nhiều so với mức bình quân chung của toàn ngành.

QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

Tại PG Bank, chúng tôi hiểu rõ, con người là nhân tố quyết định tạo nên thành công của mỗi doanh nghiệp, đặc biệt với lĩnh vực tài chính ngân hàng. Chính vì vậy, công tác quản trị nguồn nhân lực luôn được Ban lãnh đạo PG Bank hết sức chú trọng. Thời gian qua, chiến lược đầu tư, phát triển nhân lực, bao gồm các chính sách về tuyển dụng, đào tạo, tiền lương, của PG Bank đã không những góp phần tích cực trong việc thu hút các ứng viên có năng lực, trình độ, kinh nghiệm mà còn phát huy hiệu quả thiết thực giúp nâng cao mức độ cam kết, gắn bó lâu dài của người lao động với Ngân hàng.

Tuyển dụng:

Với hình thức tuyển dụng công khai, minh bạch và công bằng với mọi ứng viên, trong năm qua Ngân hàng đã tuyển dụng một số lượng lớn nhân sự có chất lượng, đúng người, đúng việc, bổ sung vào thời điểm thích hợp. Các phương thức tuyển dụng đa dạng phong phú như quảng bá trên web, tuyển từ nguồn nội bộ, cầu hiền... đã góp phần nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng tại Ngân hàng.

Cụ thể, năm 2011, PG Bank đã tuyển thêm 217 nhân viên, đưa tổng số nhân viên của toàn Ngân hàng tại thời điểm cuối năm lên 1.375 người, tăng 19% so với cuối năm 2010. Trình độ CBCNV được đảm bảo với tỷ lệ cán bộ có trình độ đại học và trên đại học ở mức cao (chiếm tới 85% tổng lao động).

TRÌNH ĐỘ CBCNV PG BANK (TẠI 31/12/2011)

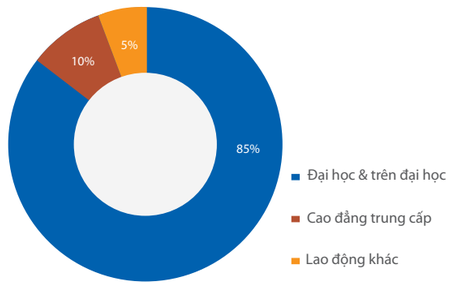

Đào tạo:

Trong năm, PG Bank đã triển khai thành công 40 khóa đào tạo với các nội dung liên quan tới kiến thức, kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm cho 2.608 lượt học viên, tổng thời gian đào tạo là 1.692 giờ. Bên cạnh các khóa đào tạo thuê ngoài, đội ngũ giảng viên nội bộ của PG Bank tiếp tục được phát triển về số lượng và chất lượng. Năm 2011, các giảng viên nội bộ đã thực hiện 11 khóa đào tạo cho 1.276 lượt học viên, với tổng số 400 giờ. Các khóa đào tạo đều được đánh giá có nội dung tốt, phù hợp thực tế và có tính ứng dụng cao.

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO TẠI PG BANK

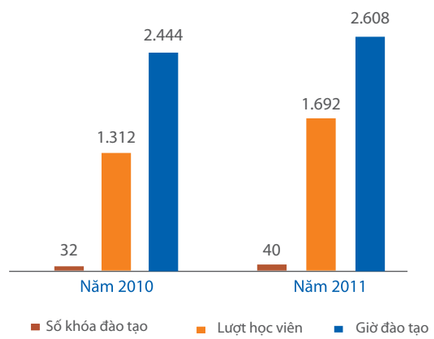

Chế độ đãi ngộ:

Đầu năm 2011, PG Bank đã thực hiện điều chỉnh lương của toàn bộ nhân viên, qua đó, lương bình quân của người lao động được đảm bảo ở mức cạnh tranh so với thị trường. Thu nhập bình quân của CBCNV PG Bank đạt trên 10 triệu đồng, tăng gần 10% so với năm 2010.

Ngoài chính sách về thu nhập, các chế độ đãi ngộ khác cũng đã và đang được hoàn thiện. Hàng năm, Ngân hàng tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV tại những phòng khám hiện đại, có uy tín. Lễ vinh danh và trao tặng kỉ niệm chương cho những nhân viên xuất sắc và những cán bộ gắn bó lâu năm với Ngân hàng cũng được tổ chức định kỳ, thể hiện sự tri ân của Ngân hàng với những đóng góp không ngừng nghỉ của CBCNV. Ngoài ra, nhân viên PG Bank cũng nhận được nhiều ưu đãi khi sử dụng các dịch vụ của Ngân hàng.

Nhờ thực hiện tốt công tác chăm sóc người lao động, PG Bank vinh dự là một trong bốn ngân hàng duy nhất trên địa bàn thành phố Hà Nội nhận bằng khen của BHXH Việt Nam năm 2011.

Công tác đoàn thể:

Trong năm 2011, hoạt động công đoàn tại PG Bank đã chứng kiến những bước phát triển rõ rệt, để lại ấn tượng rất sâu sắc. Công đoàn đã tổ chức rất nhiều hoạt động thiết thực, sôi nổi, thể hiện đúng vai trò và mục tiêu là đơn vị đại diện, bảo vệ quyền lợi, chăm lo và không ngừng nâng cao đời sống cho toàn thể nhân viên. Những sự động viên, thăm hỏi kịp thời hay những hoạt động tập thể lành mạnh nhưng không kém phần thú vị, đã trở thành chất keo vô hình, là hạt nhân gắn kết người lao động vào mái nhà chung PG Bank.

PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU VÀ MẠNG LƯỚI

Năm 2011, PG Bank đã có những thành công vượt bậc trong công tác xây dựng và quảng bá thương hiệu. Bộ nhận diện thương hiệu mới đã được triển khai trên toàn hệ thống Ngân hàng. Các điểm giao dịch được tiến hành chuẩn hoá theo nhận diện mới, trong đó PG Bank Tây Sơn với không gian giao dịch thân thiện, hiện đại và kiểu mẫu là phòng giao dịch (PGD) đầu tiên được thiết kế theo quy chuẩn nhận diện thương hiệu mới, tạo nền tảng cho việc xây dựng các điểm giao dịch tiếp theo của PG Bank trên toàn quốc. Đây là bước tiến quan trọng góp phần khẳng định hình ảnh chuyên nghiệp, năng động của PG Bank trong mắt khách hàng và đối tác.

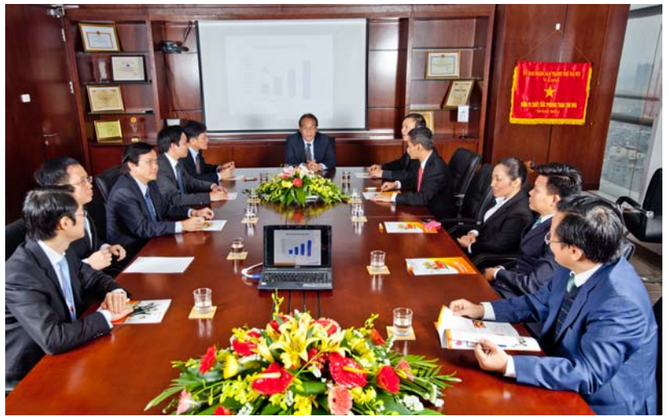

Bên cạnh đó, PG Bank cũng đẩy mạnh chiến dịch truyền thông và xây dựng thương hiệu nhằm quảng bá rộng rãi hình ảnh Ngân hàng. Công tác quảng bá thương hiệu đã được triển khai đồng bộ trên nhiều phương tiện truyền thông khác nhau, từ kênh thông tin quốc gia đến các kênh thông tin địa phương, trên các tấm áp phích lớn tại Hà Nội, và trên hông xe bus chạy trên các tuyến chính tại Hà Nội. Nỗ lực đưa PG Bank đến gần hơn với công chúng đã bước đầu đem lại hiệu quả rất khả quan. Hình ảnh và thương hiệu PG Bank đã tạo được dấu ấn trên thị trường, đặc biệt tại khu vực Hà Nội.

Mạng lưới hoạt động của PG Bank cũng phát triển khá nhanh trong năm vừa qua. Tính đến cuối năm, PG Bank đã mở thêm 12 PGD và QTK, chuyển đổi thành công 5 PGD, nâng tổng số Chi nhánh và PGD trên toàn quốc lên 74 điểm, trải khắp các tỉnh, thành phố trọng điểm trong cả nước như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Hải Dương, Đà Nẵng, Cần Thơ, Đồng Tháp, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, v.v Việc tăng cường hiện diện của Ngân hàng tại các tỉnh thành đã đáp ứng nhu cầu giao dịch ngày càng tăng của khách hàng, đồng thời góp phần đưa hình ảnh của PG Bank đến gần hơn với công chúng.

Năm 2011 tiếp tục đánh dấu sự ghi nhận của các tổ chức uy tín về thương hiệu và chất lượng dịch vụ đối với PG Bank qua các giải thưởng và danh hiệu: năm thứ tư liên tiếp đạt các danh hiệu: *"Ngân hàng hạng A"* do Ngân hàng Nhà nước trao tặng, giải thưởng *"Thương hiệu mạnh Việt Nam"* do Cục Xúc tiến Thương mại - Bộ Công thương và Thời báo Kinh tế Việt Nam bình chọn; đặc biệt, PG Bank vinh dự là một trong ba đơn vị xuất sắc nhận Cờ thi đua phong trào của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội. Những giải thưởng này có ý nghĩa khích lệ to lớn, và là những minh chứng sống động cho sứ mệnh "Vun trồng niềm tin" của PG Bank, đặc biệt trong giai đoạn thị trường tài chính tiền tệ có nhiều diễn biến phức tạp như hiện nay.

Sự ủng hộ của khách hàng là yếu tố quan trọng giúp PG Bank đạt được những thành tích đáng kể trên. Nhằm tri ân khách hàng, trong năm qua, PG Bank đã tiến hành nhiều chương trình khuyến mãi, gia tăng lợi ích cho khách hàng như: *"Du xuân hái lộc", "Vay thấu chi ưu đãi và Vay tín chấp ưu đãi", "Khách hàng thường xuyên", "Ngày hội doanh nhân - tháng vàng ưu đãi", "Ưu đãi vay vốn kinh doanh cùng PG Bank", "Gửi tiết kiệm, nhân đôi niềm vui cùng PG Bank", "Tài khoản vàng",* v.v. Những chương trình này đã nhận được sự hưởng ứng tích cực từ phía khách hàng, góp phần hỗ trợ tích cực cho hoạt động huy động vốn của Ngân hàng.

HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

Chúng tôi tâm niệm rằng sự phát triển bền vững của Ngân hàng phải luôn gắn liền với trách nhiệm xã hội. Do đó, trong nhiều năm qua, các hoạt động cộng đồng luôn song hành với sự phát triển của PG Bank và ngày càng được chú trọng.

Với phương châm "Hướng cộng đồng", năm 2011 ghi nhận nhiều hoạt động của Ngân hàng đối với cộng đồng, trong đó chúng tôi dành sự quan tâm đặc biệt tới những hoạt động khuyến học khuyến tài. Quỹ khuyến học PG Bank đang hoạt động rất hiệu quả khi kịp thời hỗ trợ, động viên những tấm gương hiếu học là con em CBNV đạt được nhiều thành tích xuất sắc trong học tập. Ngoài ra, PG Bank đã đóng góp vào chương trình "Tiếp sức mùa thi 2011" do Trung tâm Hỗ trợ Sinh viên TP. HCM (SAC) tổ chức nhằm giúp đỡ thiết thực các bạn thí sinh và phụ huynh trong mùa tuyển sinh 2011.

Bên cạnh các hoạt động khuyến học, đoàn viên thanh niên PG Bank cũng rất tích cực tham gia các công tác từ thiện, chung tay cùng các tổ chức xã hội làm vơi bớt nỗi đau, chia sẻ phần nào khó khăn với những mảnh đời bất hạnh. Nằm trong chương trình hành động "Chung tay vì cộng đồng" của Ngân hàng, toàn thể CBCNV Ngân hàng đã phát huy tinh thần tích cực tự nguyện, tham gia đóng góp vào các quỹ từ thiện xã hội như Quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo. Đặc biệt, PG Bank đã trực tiếp tổ chức nhiều chương trình thăm hỏi, tặng quà người già neo đơn, thương bệnh binh, trẻ em mồ côi và các bệnh nhi tại các bệnh viện, Trung tâm nuôi dưỡng và bảo trợ xã hội trên cả nước vào các dịp Tết thiếu nhi, rằm Trung thu, Giáng sinh, 27/7, v.v. Ngân hàng cũng tham gia, tài trợ nhiều chương trình từ thiện xã hội như chạy "Terry Fox" vì trẻ em ung thư và mắc bệnh tim, ủng hộ đồng bào lũ lụt miền Trung, tôn tạo di tích lịch sử, tu sửa, tôn tạo nhà tưởng niệm, xây dựng công trình công cộng Nhà Văn hóa và Nhà trẻ để tri ân, giúp đỡ xã nghèo vùng cao, v.v.

Cùng với việc hướng tới cộng đồng, Ngân hàng luôn quan tâm sát sao đến đời sống của gia đình CBNV trong Ngân hàng, hỗ trợ các gia đình CBNV gặp khó khăn, bất trắc, mắc bệnh hiểm nghèo… trong cuộc sống để giúp CBNV vượt qua khó khăn, yên tâm công tác, gắn bó với Ngân hàng.

Những hành động thiết thực vì lợi ích cộng đồng đã thể hiện tinh thần tương thân, tương ái, là nét đẹp truyền thống của tập thể CBNV PG Bank, đồng thời góp phần không nhỏ đưa hình ảnh PG Bank đến gần hơn với cộng đồng.

ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2012

TỔNG TÀI SẢN
Đơn vị tính: Tỷ VND

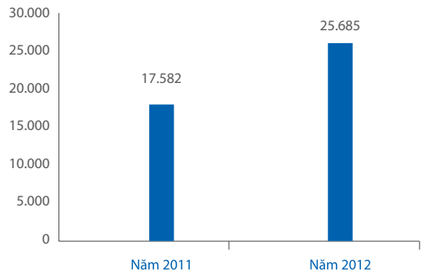

TỔNG HUY ĐỘNG
Đơn vị tính: Tỷ VND

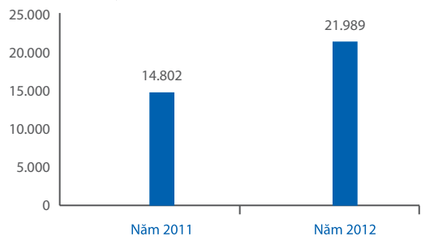

TỔNG DƯ NỢ
Đơn vị tính: Tỷ VND

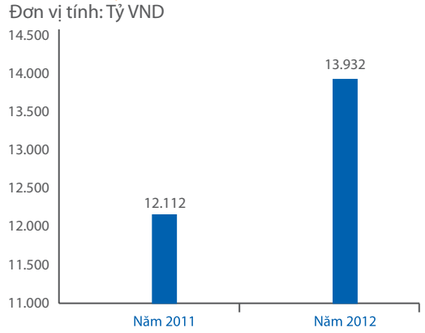

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
Đơn vị tính: Tỷ VND

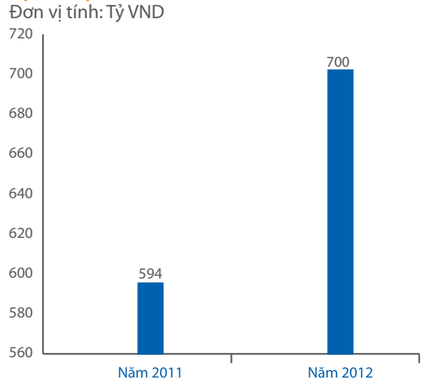

Trên cơ sở thực hiện 2011, dự báo kinh tế 2012, dựa trên các nguồn lực hiện có và sẽ tạo lập, PG Bank đã xây dựng kế hoạch hoạt động và định hướng kinh doanh năm 2012 như sau:

- Tập trung đẩy mạnh công tác huy động vốn, tăng trưởng tín dụng và đảm bảo các tỷ lệ an toàn theo quy định của NHNN;
- Kiện toàn hệ thống quản trị, kiểm soát nội bộ, tăng cường kiểm soát rủi ro tín dụng, đảm bảo nợ xấu dưới 2%;
- Phát triển mạnh dịch vụ ngân hàng bán lẻ trên cơ sở khai thác tối đa lợi thế của hệ thống kênh phân phối của Tập đoàn Petrolimex và PG Bank. Triển khai các sản phẩm, dịch vụ mới như chuyển tiền nhanh, dịch vụ thu chi hộ thông qua hệ thống cửa hàng xăng dầu.
- Tiếp tục khai thác và phát huy tối đa lợi thế là ngân hàng dẫn đầu trong lĩnh vực kinh doanh ngoại hối;
- Nâng cao và tạo sự chuyển biến thực sự về chất lượng dịch vụ;
- Tăng cường quảng bá, nâng cao vị thế và hình ảnh của PG Bank;
- Nâng cao hiệu quả hoạt động và kiểm soát chi phí;
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn điều lệ bình quân đạt 25%. Tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex (gọi tắt là "Ngân hàng") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Ngân hàng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	**Ông Bùi Ngọc Bảo**	**Chủ tịch**
	Ông Đinh Thành Nghiệp	Thành viên
	Ông Trần Long An	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên
	Ông Lê Minh Quốc	Thành viên
	Ông Trần Ngọc Năm	Thành viên
	Ông Cung Quang Hà	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2011)
	Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2011)
	Ông Nguyễn Quang Định	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2011)
	Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2011)
	Ông Võ Văn Hiệp	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2011)

BAN GIÁM ĐỐC	**Ông Nguyễn Quang Định**	**Tổng Giám đốc**
	Ông Đinh Thành Nghiệp	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thành Tô	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hồng Đức	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2011)
	Ông Nguyễn Văn Hảo	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Ngân hàng có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam, Chế độ báo cáo tài chính áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Ngân hàng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

M.S.D.N: 1400116233 - C.T.C.P
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN XĂNG DẦU PETROLIMEX
Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

NGUYỄN QUANG ĐỊNH
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Số: 1334 /Deloitte-AUDHN-RE

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa,
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 4 6288 3568
Fax: +84 4 6288 5678
www.deloitte.com/vn

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex (gọi tắt là "Ngân hàng"), từ trang 5 đến trang 29. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC VÀ KIỂM TOÁN VIÊN

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2 và trang 3, Ban Giám đốc Ngân hàng có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

CƠ SỞ CỦA Ý KIẾN

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý KIẾN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam, chế độ báo cáo tài chính áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việ Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

M.S.D.N: 0100112500 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DELOITTE VIỆT NAM
Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Trần Thị Thúy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0031/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 31 tháng 03 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đăng Văn Khải
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0758/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B02/TCTD

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A	**TÀI SẢN**			
I	**Tiền mặt, vàng bạc, đá quý**	**5**	**228.299.047.661**	**194.340.569.732**
II	**Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước**	**6**	**748.922.723.773**	**64.737.768.121**
III	**Tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng khác và cho vay các tổ chức tín dụng khác**	**7**	**1.403.467.339.527**	**1.788.385.034.019**
1	Tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng khác		1.403.467.339.527	1.788.385.034.019
IV	**Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác**		**119.715.058**	**1.724.955.120**
V	**Cho vay khách hàng**		**11.928.233.217.836**	**10.781.226.644.314**
1	Cho vay khách hàng	8	12.112.037.242.993	10.886.497.072.935
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9	(183.804.025.157)	(105.270.428.621)
VI	**Chứng khoán đầu tư**	**10**	**2.022.497.195.760**	**1.941.704.728.817**
1	Chứng khoán đầu từ sẵn sàng để bán		2.085.817.170.899	1.953.204.637.363
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(63.319.975.139)	(11.499.908.546)
VII	**Góp vốn, đầu tư dài hạn**	**11**	**55.643.662.419**	**91.016.641.088**
1	Đầu tư dài hạn khác		85.659.289.537	93.104.233.546
2	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(30.015.627.118)	(2.087.592.458)
VIII	**Tài sản cố định**		**267.484.183.742**	**150.284.147.438**
1	**Tài sản cố định hữu hình**	**12**	230.417.000.726	125.102.877.542
a	Nguyên giá		306.690.724.227	167.191.928.937
b	Khấu hao luỹ kế		(76.273.723.501)	(42.089.051.395)
2	**Tài sản cố định vô hình**	**13**	37.067.183.016	25.181.269.896
a	Nguyên giá		55.630.960.298	35.782.759.718
b	Khấu hao luỹ kế		(18.563.777.282)	(10.601.489.822)
IX	**Tài sản Có khác**		**927.414.244.625**	**1.364.904.153.277**
1	**Các khoản phải thu**	**14**	652.890.671.648	1.141.126.476.670
2	**Các khoản lãi, phí phải thu**		232.016.766.494	173.780.566.932
3	**Tài sản Có khác**		42.506.806.483	49.997.109.675
	TỔNG TÀI SẢN CÓ		**17.582.081.330.401**	**16.378.324.641.926**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B02/TCTD

Đơn vị : VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
B	**NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU**			
I	**Các khoản nợ Chính phủ và NHNN**	**15**	**400.000.000.000**	**-**
II	**Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác**	**16**	**3.357.571.095.529**	**3.228.776.452.944**
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		3.357.571.095.529	3.228.776.452.944
III	**Tiền gửi của khách hàng**	**17**	**10.925.179.046.121**	**10.704.750.380.539**
IV	**Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro**	**18**	**117.083.650.000**	**61.473.102.431**
V	**Phát hành giấy tờ có giá**		**1.977.401.615**	**-**
VI	**Các khoản nợ khác**		**189.294.063.267**	**209.911.845.311**
1	Các khoản lãi, phí phải trả		120.582.549.562	102.856.830.927
2	Các khoản phải trả và công nợ khác	19	54.686.396.355	95.849.734.429
3	Dự phòng rủi ro khác	19	14.025.117.350	11.205.279.955
	Tổng Nợ phải trả		**14.991.105.256.532**	**14.204.911.781.225**
VII	**Vốn và các quỹ**		**2.590.976.073.869**	**2.173.412.860.701**
1	Vốn của tổ chức tín dụng	20	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
2	Quỹ của tổ chức tín dụng	21	81.430.997.127	58.372.461.214
3	Chênh lệch tỉ giá hối đoái	22	5.122.354.443	18.313.909.327
4	Lợi nhuận chưa phân phối	20	504.422.722.299	113.647.531.023
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		**17.582.081.330.401**	**16.378.324.641.926**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2011	31/12/2010
I	**Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn**		
1	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	825.908.592.385	760.191.942.766
2	Bảo lãnh khác	935.129.577.641	637.378.727.269
II	**Các cam kết đưa ra**		
1	Cam kết khác	2.533.163.902.198	2.730.886.557.450

M.S.D.N: 1400116233 - C.T.C.P
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN XĂNG DẦU PETROLIMEX
Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Quang Định
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Nguyễn Văn Hảo
Giám đốc Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B03/TCTD

Đơn vị : VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1	Thu nhập từ lãi và các khoản thu nhập tương tự	23	2.817.815.430.101	1.466.543.797.507
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	24	1.721.454.475.295	949.742.855.551
I	**Thu nhập lãi thuần**		**1.096.360.954.806**	**516.800.941.956**
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		84.549.032.457	126.735.016.125
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		39.101.551.371	54.016.693.140
II	**Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ**	**25**	**45.447.481.086**	**72.718.322.985**
III	**Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối**	**26**	**22.294.771.652**	**17.278.046.679**
IV	**Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh**		**579.900.000**	**-**
V	**Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư**	**27**	**(49.943.933.853)**	**9.097.244.532**
5	Thu nhập từ hoạt động khác		119.552.923.210	50.471.508.602
6	Chi phí hoạt động khác		70.857.083.432	9.815.779.626
VI	**Lãi thuần từ hoạt động khác**		**48.695.839.778**	**40.655.728.976**
VII	**Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần**		**6.371.850.154**	**7.763.906.900**
VIII	**Chi phí hoạt động**	**28**	**453.389.242.797**	**282.539.675.378**
IX	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**		**716.417.620.826**	**381.774.516.650**
X	**Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**		**122.031.707.218**	**88.903.694.145**
XI	**Tổng lợi nhuận trước thuế**		**594.385.913.628**	**292.870.822.505**
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	148.131.145.555	74.059.553.383
XII	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**		**148.131.145.555**	**74.059.553.383**
XIII	**Lợi nhuận sau thuế**		**446.254.768.053**	**218.811.269.122**
XIV	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**		**2.231**	**1.459**

M.S.D.N: 1400116233 - C.T.C.P
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN XĂNG DẦU PETROLIMEX
Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Quang Định
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Nguyễn Văn Hảo
Giám đốc Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B04/TCTD

Đơn vị : VND

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2011	Năm 2010
	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	5.845.167.374.500	3.110.689.777.740
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(4.782.511.565.468)	(2.662.335.916.177)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	45.447.481.086	72.718.322.985
04	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	30.461.470.973	37.752.733.452
05	Thu nhập khác	44.305.173.197	41.458.972.656
06	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(624.396.303.936)	(384.834.466.823)
07	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	(132.002.771.278)	(98.961.034.948)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động	**426.470.859.074**	**116.488.388.885**
	Những thay đổi về tài sản hoạt động	***(593.413.158.341)***	***(6.182.451.473.993)***
08	Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	384.917.694.492	215.024.978.113
09	(Tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán	(132.612.533.536)	(980.743.718.530)
10	Giảm/(Tăng) các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	1.605.240.062	(1.724.955.120)
11	(Tăng) các khoản cho vay khách hàng	(1.197.754.698.148)	(4.478.821.780.856)
12	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	41.162.591.956	9.789.237.424
13	Giảm/(Tăng) khác về tài sản hoạt động	309.268.546.833	(945.975.235.024)
	Những thay đổi về công nợ hoạt động	***674.718.229.165***	***4.862.675.357.551***
14	Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	400.000.000.000	(180.596.921.861)
15	Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng khác	128.794.642.585	1.263.355.378.587
16	Tăng tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)	220.428.665.582	3.808.708.842.951
17	Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)	1.977.401.615	(50.000.000.000)
18	Tăng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	55.610.547.569	61.473.102.431
19	(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	(332.398.424)
20	(Giảm) khác về công nợ hoạt động	(116.593.028.186)	(15.336.416.133)
21	Chi từ quỹ của các tổ chức tín dụng	(15.500.000.000)	(24.596.230.000)
I	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**	**507.775.929.898**	**(1.203.287.727.557)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B04/TCTD

Đơn vị : VND

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2011	Năm 2010
	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01	Mua sắm tài sản cố định	(159.346.995.870)	(88.364.906.978)
02	Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	24.490.909	(110.602.125)
03	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(200.849.317)	(52.995.670.868)
04	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	35.372.978.669	-
05	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	312.000.000	390.000.000
II	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**	**(123.838.375.609)**	**(141.081.179.971)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
01	Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu	-	1.000.000.000.000
02	Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(50.711.815.200)	(145.892.118.000)
III	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**	**(50.711.815.200)**	**854.107.882.000**
IV	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**	**333.225.739.089**	**(490.261.025.528)**
V	**Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm**	**2.047.463.371.872**	**2.537.724.397.400**
VI	**Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm**	**2.380.689.110.961**	**2.047.463.371.872**

Chi tiết tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	228.299.047.661	194.340.569.732
Tiền gửi tại NHNN	748.922.723.773	64.737.768.121
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác (dưới 3 tháng)	1.403.467.339.527	1.788.385.034.019
Tổng	**2.380.689.110.961**	**2.047.463.371.872**

M.S.D.N: 1400116233 - C.T.C.P
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN XĂNG DẦU PETROLIMEX
Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Quang Định
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Nguyễn Văn Hảo
Giám đốc Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B05/TCTD

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex ("Ngân hàng") tiền thân là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn Đồng Tháp Mười, được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Giấy phép hoạt động số 0045-NHNN ngày 13 tháng 1 năm 1993 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") cấp. Theo Quyết định số 368/QĐ-NHNN ngày 08 tháng 02 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn Đồng Tháp Mười được chấp thuận đổi tên thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex.

Từ tháng 1 năm 2012, Ngân hàng chuyển trụ sở chính đến địa chỉ Tòa nhà MIPEC – 229 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội. Việc chuyển trụ sở chính của Ngân hàng đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận tại Quyết định số 03/QĐ-NHNN ngày 5 tháng 1 năm 2012.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Ngân hàng có 16 chi nhánh.

Tổng số nhân viên của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 1.375 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 1.158 nhân viên).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Ngân hàng là cung cấp các dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính có liên quan tại Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước vào ngày 29 tháng 4 năm 2004 (và các điều chỉnh); và Chế độ báo cáo tài chính áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành vào ngày 18 tháng 4 năm 2007 và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ngân hàng đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 35.

MẪU SỐ B05/TCTD

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Ngân hàng áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành vào ngày 29 tháng 4 năm 2004 (và các điều chỉnh); và Chế độ báo cáo tài chính áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành vào ngày 18 tháng 4 năm 2007 yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Ngân hàng bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác không kỳ hạn và có kỳ hạn, các khoản cho vay, chứng khoán đầu tư, đầu tư dài hạn khác, các khoản phải thu khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Ngân hàng bao gồm các khoản nợ Chính phủ và NHNN, tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro, và các khoản phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Công cụ tài chính phát sinh

Đối với các hợp đồng mua/bán ngoại tệ kỳ hạn và hợp đồng hoán đổi tiền tệ, chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua/ bán tính theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng; đồng thời được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản – khoản mục "Công cụ phái sinh tiện tệ và các tài sản tài chính khác" nếu chênh lệch dương hoặc khoản mục công nợ - khoản mục "Công cụ phái sinh tiện tệ và các tài sản tài chính khác" nếu chênh lệch âm. Chênh lệch này sau đó được phân bổ vào khoản mục "Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối" trong suốt kỳ hạn của hợp đồng.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được ghi nhận theo số nợ gốc trừ các khoản nợ đã xóa và dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B05/TCTD

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi, các khoản cam kết

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi, các khoản cam kết được trích lập dựa trên ước tính của Ban Giám đốc cho các khoản cho vay, các khoản cam kết khó có khả năng thu hồi phù hợp với các quy định của Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 22 tháng 4 năm 2005 và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2007 về sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng.

Dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay và ứng trước tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán (ngày 31 tháng 12 năm 2011) được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng sau đây đối với các khoản cho vay tại ngày 30 tháng 11 năm 2011 sau khi đã trừ đi giá trị tài sản thế chấp đã được định giá:

Nhóm	Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Dự phòng chung cho các khoản cho vay và các khoản cam kết được Ngân hàng trích lập theo tỷ lệ 0,75% trên giá trị thuần của các khoản đó.

Giá trị thuần bao gồm giá trị các khoản cho vay (sau khi trừ đi các khoản cho vay đã được lập dự phòng 100%), giá trị các khoản cam kết tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng cho các khoản cam kết được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Giá trị hoàn nhập được hạch toán tăng thu nhập khác.

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán vốn không có mục đích kiểm soát doanh nghiệp và chứng khoán nợ do Chính phủ, các tổ chức tín dụng (TCTD) khác và các tổ chức kinh tế (TCKT) phát hành. Các loại chứng khoán được Ngân hàng nắm giữ nhằm mục đích hưởng chênh lệch giá và nắm giữ trong thời gian không quá 1 năm được phân loại là chứng khoán kinh doanh, các loại chứng khoán mà Ngân hàng có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn, các chứng khoán khác được phân loại là chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư được phân loại theo hướng dẫn tại Công văn số 2601/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 4 năm 2009 của Ngân hàng Nhà nước và được trình bày theo giá gốc. Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán này được trích lập theo quy định tại Công văn trên và theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành. Theo đó, đối với chứng khoán vốn đã niêm yết, Ngân hàng sẽ đánh giá giá trị khoản đầu tư theo giá đóng cửa vào ngày lập báo cáo tài chính. Khi giá thị trường tăng lên, lợi nhuận sẽ được bù trừ nhưng không được vượt quá khoản dự phòng đã được trích lập trước đó. Phần chênh lệch sẽ không được ghi nhận như là thu nhập cho tới khi chứng khoán được bán.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Đầu tư dài hạn

Đầu tư dài hạn bao gồm các chứng khoán vốn và các khoản đầu tư vào các Dự án có thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm với mục đích hưởng lợi trong các trường hợp (i) Ngân hàng là cổ đông sáng lập; hoặc (ii) Ngân hàng là đối tác chiến lược; hoặc (iii) Ngân hàng có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính hoặc hoạt động của doanh nghiệp thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng quản trị/Ban điều hành. Các khoản đầu tư dài hạn được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư này được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành.

Ủy thác và nguồn vốn ủy thác

Hoạt động ủy thác đầu tư của Ngân hàng bao gồm các hình thức: Ủy thác đầu tư toàn bộ và ủy thác đầu tư chỉ định. Giá trị vốn đầu tư bằng nguồn ủy thác và nhận vốn ủy thác được ghi nhận khi hợp đồng ủy thác đã được các bên ký kết và vốn ủy thác đã được thực hiện. Các quyền lợi và nghĩa vụ của bên ủy thác và bên nhận ủy thác đối với lợi nhuận và phân chia lợi nhuận, phí ủy thác và các quyền lợi và nghĩa vụ khác được thực hiện theo điều khoản ghi trong hợp đồng ủy thác đã ký kết.

Các hợp đồng ngoại hối

Ngân hàng ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hợp đồng hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết mua bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán trong tương lai theo tỷ giá này.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2011
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 25
Máy móc, thiết bị	4 - 7
Phương tiện vận chuyển	6 - 10
Dụng cụ quản lý	4 - 5
Tài sản cố định khác	5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí phát sinh để mua quyền sử dụng đất chính thức. Nguyên giá của quyền sử dụng đất được ghi nhận trên cơ sở chi phí phát sinh và giá trị đất được Nhà nước phê duyệt tại thời điểm mua. Quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao. Quyền sử dụng đất với thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B05/TCTD

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao (tiếp theo)

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được ghi nhận theo giá mua phần mềm máy tính mới, mà phần mềm này không phải là một bộ phận không thể tách rời phần cứng có liên quan. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê mà về bản chất tất cả các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu các tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê được hạch toán là thuê hoạt động. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê khi phát sinh trong suốt thời gian thuê.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại tiền tệ khác với VND được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản và công nợ có gốc tiền tệ khác với VND tại ngày lập báo cáo tài chính được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các cam kết mở theo các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn được đánh giá lại theo các tỷ giá của kỳ hạn tương ứng tại ngày lập báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá này được trình bày trên bảng cân đối kế toán.

Doanh thu

Thu nhập lãi

Thu từ lãi được ghi nhận dựa trên phương pháp dự thu đối với các khoản nợ xác định là có khả năng thu hồi cả gốc, lãi đúng thời hạn và không phải trích dự phòng rủi ro cụ thể theo quy định hiện hành. Số lãi phải thu đã hạch toán thu nhập nhưng đến kỳ hạn trả nợ (gốc, lãi) khách hàng không trả được đúng hạn, tổ chức tín dụng hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được thì hạch toán vào thu hoạt động kinh doanh.

Số lãi phải thu phát sinh trong năm của các khoản nợ quá hạn không phải hạch toán thu nhập, tổ chức tín dụng theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu, khi thu được thì hạch toán vào thu hoạt động kinh doanh.

Thu nhập từ dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 (bốn) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Doanh thu (tiếp theo)

Ghi nhận cổ tức

Cổ tức nhận được bằng tiền mặt từ hoạt động đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng được xác định. Đối với cổ tức nhận dưới dạng cổ phiếu, các khoản được chia bằng cổ phiếu từ lợi nhuận của các công ty cổ phần không được ghi nhận trong báo cáo tài chính theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là khoản chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh và được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp dồn tích.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Ngân hàng là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Ngân hàng và các công ty con hoặc chịu sự kiểm soát, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Ngân hàng và các công ty con, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Ngân hàng và các công ty con. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Ngân hàng và các công ty con mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Ngân hàng và các thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân, các bên liên kết đó; những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Ngân hàng và những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan. Bản chất của mối quan hệ được xem xét trong việc đánh giá mối quan hệ của từng bên liên quan chứ không chỉ ở hình thức pháp lý.

Các quỹ của Ngân hàng

Theo Nghị định số 146/2005/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ, các tổ chức tín dụng phải thực hiện việc trích lập các quỹ dưới đây trước khi phân phối lợi nhuận:

a. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích bằng 5% thu nhập sau thuế hằng năm nhưng không vượt quá vốn điều lệ của Ngân hàng;

b. Quỹ dự phòng tài chính được trích bằng 10% thu nhập sau thuế hằng năm sau khi đã lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, trừ các khoản lỗ của các năm trước và các khoản chi phí không được khấu trừ khác. Số dư quỹ này không vượt quá 25% vốn Điều lệ của Ngân hàng. Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

c. Các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi và các Quỹ khác: trích lập theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông của Ngân hàng. Tỷ lệ trích lập các Quỹ này do Đại hội đồng Cổ đông của Ngân hàng quy định, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Các quỹ dự trữ và quỹ dự phòng ở trên không được dùng để phân chia.

Các cam kết và bảo lãnh ngoài bảng cân đối kế toán

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, tại bất kỳ thời điểm nào Ngân hàng luôn có các khoản cam kết tín dụng chưa thực hiện. Các khoản cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay đã được phê duyệt. Ngân hàng cũng cung cấp các khoản bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Các giao dịch này được ghi nhận vào báo cáo tài chính khi được thực hiện hay các khoản phí liên quan phát sinh hoặc thu được. Nhiều khoản cam kết nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn và không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó, các khoản cam kết và các khoản nợ này không phản ánh luồng tiền lưu chuyển dự kiến trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B05/TCTD

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Ngân hàng có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Không có thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại tại ngày 31/12/2011 do không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

Việc xác định thuế thu nhập của Ngân hàng căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt bằng VND	185.100.820.933	133.881.537.800
Tiền mặt bằng ngoại tệ	43.198.226.728	60.459.031.932
	228.299.047.661	**194.340.569.732**

MẪU SỐ B05/TCTD

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc và tài khoản thanh toán. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về dự trữ bắt buộc, các Ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc. Cụ thể:

Theo Quyết định số 1925/QĐ-NHNN ngày 26 tháng 8 năm 2011:

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi bằng Đồng Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng là:

- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng bằng Đồng Việt Nam là 3% đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 3%);

- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên bằng Đồng Việt Nam là 1% đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 1%).

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi bằng ngoại tệ áp dụng cho các tổ chức tín dụng là:

- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng bằng ngoại tệ là 8% đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 7%);

- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên bằng ngoại tệ là 6% đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 2%).

- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với các tổ chức tín dụng áp dụng cho tiền gửi bằng ngoại tệ của các tổ chức tín dụng ở nước ngoài là 1% trên số dư tiền gửi phải dự trữ bắt buộc.

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền gửi thanh toán tại NHNN	748.922.723.773	64.737.768.121
	748.922.723.773	**64.737.768.121**

7. TIỀN, VÀNG GỬI TẠI CÁC TCTD KHÁC VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	103.936.239.527	101.225.034.019
- Bằng VND	*18.058.799.014*	*23.995.953.713*
- Bằng ngoại tệ, vàng	*85.877.440.513*	*77.229.080.306*
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	1.299.531.100.000	1.687.160.000.000
- Bằng VND	*882.971.100.000*	*1.592.500.000.000*
- Bằng ngoại tệ, vàng	*416.560.000.000*	*94.660.000.000*
	1.403.467.339.527	**1.788.385.034.019**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B05/TCTD

8. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	12.011.686.396.603	10.813.931.698.455
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	2.628.993.472	13.884.539.480
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	97.721.852.918	58.680.835.000
	12.112.037.242.993	**10.886.497.072.935**

Phân tích chất lượng nợ cho vay

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	11.553.561.102.982	10.638.632.618.755
Nợ cần chú ý	309.490.293.675	93.491.323.552
Nợ dưới tiêu chuẩn	66.165.001.497	54.757.949.012
Nợ nghi ngờ	40.021.386.886	68.742.363.635
Nợ có khả năng mất vốn	142.799.457.953	30.872.817.981
	12.112.037.242.993	**10.886.497.072.935**

Phân tích dư nợ theo thời gian

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Nợ ngắn hạn	8.491.258.291.361	7.239.168.207.021
Nợ trung hạn	2.263.855.593.906	2.665.549.884.581
Nợ dài hạn	1.356.923.357.726	981.778.981.333
	12.112.037.242.993	**10.886.497.072.935**

Phân tích dư nợ theo đơn vị tiền tệ

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Cho vay bằng VND	9.448.405.165.746	8.946.518.380.347
Cho vay bằng ngoại tệ, vàng	2.663.632.077.247	1.939.978.692.588
	12.112.037.242.993	**10.886.497.072.935**

MẪU SỐ B05/TCTD

8. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
- Doanh nghiệp Nhà nước Trung ương	-	41.707.870.069
- Công ty TNHH 1 thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	453.742.579.696	-
- Công ty TNHH 2 thành viên trở lên có phần vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ	32.759.416.618	-
- Công ty TNHH khác	3.188.983.174.306	-
- Công ty cổ phần có vốn của Nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối đối với công ty trong Điều lệ của công ty	781.554.641.576	-
- Doanh nghiệp Nhà nước Địa phương	-	278.445.788.371
- Công ty TNHH Nhà nước	-	532.067.563.858
- Công ty TNHH tư nhân	-	2.868.331.054.079
- Công ty cổ phần Nhà nước	-	309.077.956.081
- Công ty cổ phần khác	5.201.172.060.087	4.099.263.192.844
- Công ty hợp danh	-	-
- Doanh nghiệp tư nhân	201.269.651.363	213.027.781.628
- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	212.110.212.580	93.055.526.083
- Kinh tế tập thể - Hợp tác xã	375.056.880.337	231.857.457.189
- Kinh tế cá thể - Hộ kinh doanh, cá nhân	1.620.030.135.573	2.219.662.882.733
- Tổ chức khác	45.358.490.857	-
	12.112.037.242.993	**10.886.497.072.935**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B05/TCTD

8. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
- Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	1.554.968.745.083	251.382.340.814
- Ngành công nghiệp khai khoáng	301.763.603.188	250.160.501.628
- Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo	4.246.270.053.142	1.610.343.793.808
- Ngành phân phối điện khí đốt, nước và điều hòa không khí	12.034.038.377	258.054.153.526
- Ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	51.435.555.571	-
- Ngành xây dựng	1.046.219.755.785	938.806.545.461
- Ngành bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy, và xe có động cơ khác	2.417.918.454.626	815.978.850.001
- Ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống	85.661.622.898	247.645.455.113
- Ngành vận tải kho bãi	962.582.955.277	1.018.831.229.753
- Ngành thông tin và truyền thông	46.222.173.478	
- Ngành hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm	30.363.687.476	85.714.373.208
- Ngành hoạt động khoa học và công nghệ	9.213.882.000	113.401.135.235
- Ngành hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	42.921.441.538	-
- Ngành kinh doanh tài sản & dịch vụ tư vấn	-	158.689.275.594
- Ngành giáo dục và đào tạo	1.308.470.590	-
- Ngành y tế và hoạt động cứu trợ xã hội	25.091.425.767	27.070.448.437
- Ngành nghệ thuật và vui chơi giải trí	9.524.547.148	-
- Ngành hoạt động phục vụ cá nhân	-	5.094.180.352.825
- Ngành hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tư liệu tiêu dùng của hộ gia đình	137.679.736.058	-
- Ngành hoạt động dịch vụ khác	1.130.857.094.991	16.238.617.532
	12.112.037.242.993	**10.886.497.072.935**

9. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Năm 2010			
Số dư đầu năm	**41.170.361.500**	**5.905.703.183**	**47.076.064.683**
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	60.745.185.711	20.456.863.468	81.202.049.179
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(20.916.824.450)	(2.090.860.791)	(23.007.685.241)
Số dư cuối năm	**80.998.722.761**	**24.271.705.860**	**105.270.428.621**
Năm 2011			
Số dư đầu năm	**80.998.722.761**	**24.271.705.860**	**105.270.428.621**
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	31.310.100.420	77.487.049.504	108.797.149.924
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(22.258.044.040)	(5.983.009.348)	(28.241.053.388)
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(2.022.500.000)	(2.022.500.000)
Số dư cuối năm	**90.050.779.141**	**93.753.246.017**	**183.804.025.157**

MẪU SỐ B05/TCTD

10. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán(*)		
a. Chứng khoán Nợ	***1.985.682.773.661***	***1.854.550.329.280***
- Chứng khoán Chính phủ	1.121.999.002.728	925.303.105.564
- Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	281.481.487.879	432.047.223.716
- Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	582.202.283.054	497.200.000.000
b. Chứng khoán Vốn	***100.134.397.238***	***98.654.308.083***
- Chứng khoán Vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	7.576.503.305	8.453.208.150
- Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	92.557.893.933	90.201.099.933
c. Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán	***(63.319.975.139)***	***(11.499.908.546)***
	2.022.497.195.760	**1.941.704.728.817**

(*) Giá trị ghi sổ của các trái phiếu mang đi cầm cố để đảm bảo cho các hợp đồng huy động vốn tại ngày 31/12/2011 là 1.572.334.000.000 VND.

Chi tiết chứng khoán Nợ

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Trái phiếu kho bạc (i)	977.457.154.186	780.761.590.052
Trái phiếu phát triển đô thị (ii)	144.541.848.542	144.541.515.512
Trái phiếu công ty (iii)	582.202.283.054	497.200.000.000
Giấy tờ có giá do các ngân hàng khác phát hành (iv)	281.481.487.879	432.047.223.716
	1.985.682.773.661	**1.854.550.329.280**

(i) Trái phiếu kho bạc có kỳ hạn 5 năm bằng VND do Kho bạc Nhà nước phát hành. Các Trái phiếu này có mức lãi suất hàng năm từ 8,65% đến 11,8%/năm. Tiền lãi được trả hàng năm;

(ii) Trái phiếu phát triển đô thị có kỳ hạn 5 năm và 15 năm bằng VND do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát hành có mức lãi suất từ 8,8% đến 9,55%/năm. Tiền lãi được trả hàng năm;

(iii) Trái phiếu công ty bao gồm trái phiếu bằng VND do các tổ chức kinh tế phát hành với kỳ hạn từ 5 đến 10 năm và lãi suất từ 9,4% đến 18%/năm. Tiền lãi được trả hàng năm;

(iv) Giấy tờ có giá khác bao gồm trái phiếu kỳ hạn 10 năm bằng VND do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành, hưởng lãi suất từ 9,8% đến 15,3%/năm, lãi được trả hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B05/TCTD

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác		
Quỹ tầm nhìn SSI (i)	30.000.000.000	30.000.000.000
Chứng chỉ quỹ VF4	44.904.486.698	44.904.486.698
Công ty Cổ phần Nhiên liệu bay Petrolimex	-	7.500.000.000
Quỹ đầu tư năng động (VFA) (i)	10.150.000.000	10.150.000.000
Công ty TNHH Hóa chất PTN	604.802.839	549.746.848
	85.659.289.537	**93.104.233.546**
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	**(30.015.627.118)**	**(2.087.592.458)**
	55.643.662.419	**91.016.641.088**

(i) Ngân hàng là cổ đông sáng lập đối với Quỹ đầu tư này và Ban Giám đốc Ngân hàng xác định các khoản đầu tư này được nắm giữ với mục đích đầu tư dài hạn

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2011	**28.441.412.304**	**7.175.682.057**	**41.936.311.159**	**89.591.023.417**	**47.500.000**	**167.191.928.937**
Mua trong năm	116.106.880.944	1.987.133.793	5.664.518.818	16.246.378.633	165.521.000	140.170.433.188
Thanh lý	(498.901.200)	-	-	(142.750.018)	-	(641.651.218)
Giảm khác	(10.037.156)	-	-	(19.949.524)	-	(29.986.680)
Tại ngày 31/12/2011	**144.039.354.892**	**9.162.815.850**	**47.600.829.977**	**105.674.702.508**	**213.021.000**	**306.690.724.227**
KHẤU HAO LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2011	**9.316.486.017**	**899.697.290**	**10.401.404.078**	**21.444.557.193**	**26.906.817**	**42.089.051.395**
Trích khấu hao trong năm	5.254.398.256	1.505.185.321	6.321.668.185	19.373.188.954	26.588.670	32.481.029.386
Tăng khác	1.710.469.998	19.165.276	99.474.120	96.353.467	-	1.925.462.861
Thanh lý, nhượng bán	(978.634.638)	-	-	(137.366.893)	-	(216.001.531)
Giảm khác	-	-	-	(5.818.610)	-	(5.818.610)
Tại ngày 31/12/2011	**16.202.719.633**	**2.424.047.887**	**16.822.546.383**	**40.770.914.111**	**53.495.487**	**76.273.723.501**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2011	**127.836.635.259**	**6.738.767.963**	**30.778.283.594**	**64.903.788.397**	**159.525.513**	**230.417.000.726**
Tại ngày 31/12/2010	**19.124.926.287**	**6.275.984.767**	**31.534.907.081**	**68.146.466.224**	**20.593.183**	**125.102.877.542**

MẪU SỐ B05/TCTD

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2011	**5.041.041.750**	**30.706.717.968**	**35.000.000**	**35.782.759.718**
Mua trong năm	11.039.000.000	8.761.200.580	48.000.000	19.848.200.580
Tại ngày 31/12/2011	**16.080.041.750**	**39.467.918.548**	**83.000.000**	**55.630.960.298**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2011	**-**	**10.575.239.810**	**26.250.012**	**10.601.489.822**
Trích hao mòn trong năm	-	7.941.537.472	20.749.988	7.962.287.460
Tại ngày 31/12/2011	**-**	**18.516.777.282**	**47.000.000**	**18.563.777.282**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2011	**16.080.041.750**	**20.951.141.266**	**36.000.000**	**37.067.183.016**
Tại ngày 31/12/2010	**5.041.041.750**	**20.131.478.158**	**8.749.988**	**25.181.269.896**

14. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Các khoản phải thu bên ngoài (*)	630.935.463.721	1.130.069.838.110
Các khoản phải thu nội bộ	12.921.909.884	11.036.013.560
Mua sắm tài sản cố định	9.033.298.043	20.625.000
	652.890.671.648	**1.141.126.476.670**

(*) Chi tiết các khoản phải thu bên ngoài

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Ký quỹ, cầm cố thế chấp	70.042.610.125	84.824.792.680
Các khoản thanh toán với Ngân sách Nhà nước	6.175.601.089	8.978.626.318
Các khoản ủy thác đầu tư, môi giới chứng khoán (i)	508.070.605.135	924.627.080.000
Chi hỗ trợ lãi suất (ii)	7.999.948.671	15.131.189.734
Đặt cọc mua văn phòng (iii)	-	25.693.363.566
Phải thu phí dịch vụ	938.735.348	20.082.560.295
Các khoản phải thu khác	37.707.963.353	50.732.225.517
	630.935.463.721	**1.130.069.838.110**

(i) Thể hiện số tiền Ngân hàng đã chi cho các hợp đồng ủy thác đầu tư và môi giới chứng khoán với khách hàng. Ngân hàng chịu rủi ro giảm giá đối với danh mục ủy thác đầu tư và chịu rủi ro tín dụng đối với số tiền đã chuyển cho bên nhận ủy thác. Các khoản mục trong danh mục ủy thác đầu tư đều là chứng khoán chưa niêm yết (trong đó 70% tổng giá trị là trái phiếu doanh nghiệp) nên không có giá giao dịch đáng tin cậy. Vì vậy, Ban Giám đốc Ngân hàng đã đánh giá từng khoản mục đầu tư dựa vào báo cáo tài chính gần nhất của các đơn vị phát hành và tin tưởng không có khoản đầu tư nào bị giảm giá đáng kể cần phải lập dự phòng. Ban giám đốc ngân hàng cũng đánh giá năng lực tài chính của bên nhận ủy thác và tin tưởng sẽ thu hồi đầy đủ các khoản ủy thác đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B05/TCTD

14. CÁC KHOẢN PHẢI THU (tiếp theo)

(ii) Các khoản chi hỗ trợ lãi suất thể hiện chi phí đã hỗ trợ cho khách hàng vay vốn được hưởng chương trình hỗ trợ lãi suất cho vay của Chính phủ. Khoản tiền trên sẽ được Ngân hàng Nhà nước thanh toán cho Ngân hàng.

(iii) Khoản đặt cọc mua văn phòng thể hiện giá trị trả trước theo hợp đồng mua văn phòng ký kết với Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân đội. Ngân hàng đã hoành thành nghiệp vụ mua văn phòng trong năm 2011. Theo đó, khoản đặt cọc này đã được bù trừ vào tiền mua văn phòng phải trả trong năm 2011.

15. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NHNN

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 thể hiện khoản vay theo hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với kỳ hạn 4 tháng, lãi suất là 15%/năm.

16. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	**1.851.095.529**	**818.852.944**
Bằng VND	1.851.095.529	818.852.944
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	**3.355.720.000.000**	**3.227.957.600.000**
Bằng VND	960.500.000.000	1.928.000.000.000
Bằng ngoại tệ, vàng	2.395.220.000.000	1.299.957.600.000
	3.357.571.095.529	**3.228.776.452.944**

17. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	**1.572.790.720.435**	**1.962.051.538.087**
Bằng VND	1.431.807.871.413	1.749.341.520.747
Bằng ngoại tệ, vàng	140.982.849.022	212.710.017.340
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	**9.204.817.929.533**	**8.585.550.017.290**
Bằng VND	8.008.662.699.643	7.220.138.759.919
Bằng ngoại tệ, vàng	1.196.155.229.890	1.365.411.257.371
Tiền gửi vốn chuyên dùng	**3.779.361.534**	**17.584.592.320**
Tiền gửi ký quỹ	**143.791.034.619**	**139.564.232.842**
	10.925.179.046.121	**10.704.750.380.539**

Phân tích theo đối tượng khách hàng

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tổ chức kinh tế	5.915.380.064.494	5.989.910.973.242
Cá nhân	5.009.798.981.627	4.714.839.407.297
	10.925.179.046.121	**10.704.750.380.539**

MẪU SỐ B05/TCTD

18. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TCTD CHỊU RỦI RO

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Vốn nhận uỷ thác đầu tư bằng VND(*)	117.083.650.000	61.473.102.431
	117.083.650.000	**61.473.102.431**

(*) Thể hiện các khoản vốn nhận ủy thác từ NHNN cho vay tiếp các doanh nghiệp đủ tiêu chuẩn phù hợp với các điều kiệ quy định của dự án tài trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME), lãi suất ủy thác được điều chỉnh hàng quý bằng lãi suất cơ bản do NHNN thông báo áp dụng cho ngày làm việc cuối cùng của quý trước trừ đi 1,5%/năm

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CÔNG NỢ KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Các khoản phải trả và công nợ khác	**54.686.396.355**	**95.849.734.429**
Các khoản phải trả nội bộ	5.785.30 0.080	54.976.483.098
Các khoản phải trả bên ngoài (*)	45.155.818.986	35.765.484.834
Các tài sản Nợ khác	3.745.277.289	5.107.766.497
Dự phòng rủi ro khác	**14.025.117.350**	**11.205.279.955**
Dự phòng đối với các cam kết đưa ra	14.025.117.350	11.205.279.955

(*) Chi tiết các khoản phải trả bên ngoài

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	37.184.118.386	24.490.154.644
Doanh thu chờ phân bổ	3.541.424.656	7.229.027.397
Các khoản phải trả khác	4.430.275.944	4.046.302.793
	45.155.818.986	**35.765.484.834**

20. VỐN CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

	Vốn điều lệ(*)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	**2.000.000.000.000**	**113.647.531.023**	**2.113.647.531.023**
Lợi nhuận trong năm	-	446.254.768.053	446.254.768.053
Trích lập các quỹ (i)	-	(55.479.576.777)	(55.479.576.777)
Số dư cuối năm	**2.000.000.000.000**	**504.422.722.299**	**2.504.422.722.299**

(i) Khoản trích lập các quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2010 được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông ngày 26 tháng 4 năm 2011.

(*) Xem Thuyết minh số 37.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B05/TCTD

20. VỐN CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG (tiếp theo)

Chi tiết vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	Theo Giấy phép hoạt động điều chỉnh	Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2011	
	VND	VND	Tỷ lệ
Tổng Công ty Xăng Dầu Việt Nam	800.000.000.000	800.000.000.000	40,00%
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn	199.555.000.000	199.555.000.000	9,98%
Các cổ đông khác	1.000.445.000.000	1.000.445.000.000	50,02%
	2.000.000.000.000	**2.000.000.000.000**	**100%**

21. CÁC QUỸ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	**650.000.000**	**28.575.273.217**	**10.833.278.670**	**1.392.868.464**	**41.451.420.351**
Trích quỹ	-	20.787.070.567	10.940.563.456	23.751.942.753	55.479.576.776
Chi quỹ	-	-	-	(15.500.000.000)	(15.500.000.000)
Số dư cuối năm	**650.000.000**	**49.362.343.784**	**21.773.842.126**	**9.644.811.217**	**81.430.997.127**

22. CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

Chênh lệch tỷ giá hối đoái tại ngày cuối năm là khoản chênh lệch do đánh giá lại các khoản mục tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ. Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 và chính sách kế toán của Ngân hàng, khoản chênh lệch này phải hạch toán vào lãi từ hoạt động kinh doanh ngoại hối. Tuy nhiên, do trạng thái ngoại hối của Ngân hàng bị thiếu hụt tạm thời tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (và ngày 31 tháng 12 năm 2010) nên ngày 04 tháng 01 năm 2012 (và ngày 05 tháng 01 năm 2011), Ngân hàng đã bù đắp số ngoại tệ thiếu hụt này và phát sinh một khoản lỗ tương ứng. Vì vậy, Ngân hàng quyết định không phản ánh khoản chênh lệch này vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011(và năm 2010). Nếu việc hạch toán được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 và chính sách kế toán của Ngân hàng, chỉ tiêu "Lợi nhuận trước thuế" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Ngân hàng sẽ tăng 5.122.354.443 đồng (và năm 2010 sẽ tăng 18.313.909.327 đồng) và chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (và ngày 31 tháng 12 năm 2010) sẽ giảm tương ứng.

23. THU NHẬP TỪ LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Thu nhập lãi tiền gửi	482.075.709.553	157.449.889.903
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	2.007.484.695.318	1.111.822.915.784
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán Nợ	218.752.396.762	138.819.628.926
Thu khác từ hoạt động tín dụng	109.502.628.468	58.451.362.894
	2.817.815.430.101	**1.466.543.797.507**

MẪU SỐ B05/TCTD

24. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Trả lãi tiền gửi	1.621.436.847.690	822.209.196.306
Trả lãi tiền vay	53.369.049.976	25.272.822.302
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	30.398.473.529	100.227.091.636
Chi phí hoạt động tín dụng khác	16.250.104.100	2.033.745.307
	1.721.454.475.295	**949.742.855.551**

25. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Thu từ dịch vụ thanh toán	12.102.935.017	28.127.501.600
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	-	2.903.201.024
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	15.006.064.195	13.928.388.735
Thu từ nghiệp vụ uỷ thác và đại lý	3.187.910.475	1.926.074.968
Thu từ dịch vụ tư vấn	18.330.504.162	20.650.265.697
Thu từ cung ứng dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ két	127.502.983	2.363.606.813
Thu khác	35.794.115.625	56.835.977.288
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	**84.549.032.457**	**126.735.016.125**
Chi về dịch vụ thanh toán	4.145.452.185	4.448.609.939
Cước phí bưu điện về mạng viễn thông	7.217.402.379	6.316.176.266
Chi về ngân quỹ	3.826.388.640	2.806.877.993
Chi về nghiệp vụ uỷ thác và đại lý	1.189.999.999	-
Chi về dịch vụ tư vấn	1.073.704.427	261.741.788
Chi về hoa hồng, môi giới	4.705.257.547	4.764.482.951
Chi khác	16.943.346.194	35.418.804.203
Chi phí từ hoạt động dịch vụ	**39.101.551.371**	**54.016.693.140**
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	**45.447.481.086**	**72.718.322.985**

26. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**61.488.544.241**	**67.498.789.979**
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay (*)	31.883.791.466	58.085.663.201
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	29.604.752.775	9.413.126.778
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	**39.193.772.589**	**50.220.743.300**
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay (*)	34.353.822.916	38.256.568.307
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	4.839.949.673	11.964.174.993
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**22.294.771.652**	**17.278.046.679**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B05/TCTD

27. (LỖ)/LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	103.027.797.584	299.862.864.037
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(101.151.664.844)	(282.473.500.380)
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(51.820.066.593)	(8.292.119.125)
(Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư	**(49.943.933.853)**	**9.097.244.532**

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	**12.240.782.948**	**10.488.234.828**
Chi phí cho nhân viên	**201.134.963.656**	**129.506.892.904**
Trong đó:		
- Chi lương và phụ cấp	*183.690.030.645*	*116.600.329.028*
- Các khoản chi đóng góp theo lương	*16.148.400.655*	*11.042.276.191*
- Chi trợ cấp	*1.296.532.356*	*877.561.298*
Chi về tài sản	**94.899.111.524**	**67.679.457.383**
Trong đó:		
- Khấu hao Tài sản cố định	*40.443.316.846*	*29.810.654.911*
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	**110.931.479.999**	**71.081.583.641**
Trong đó:		
- Công tác phí	*2.898.259.641*	*2.332.458.869*
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	**6.254.870.010**	**3.783.506.622**
Chi phí dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn	**27.928.034.660**	**-**
	453.389.242.797	**282.539.675.378**

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế TNDN	**594.385.913.608**	**292.870.822.505**
Các khoản mục điều chỉnh:		
Trừ: Thu nhập được miễn thuế TNDN	6.371.850.154	1.413.736.584
- Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia	*6.371.850.154*	*1.413.736.584*
Cộng: Chi phí không được khấu trừ khi xác định lợi nhuận tính thuế	4.510.518.765	4.781.127.603
Thu nhập chịu thuế	**592.524.582.219**	**296.238.213.524**
Thuế suất thuế TNDN	**25%**	**25%**
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế	**148.131.145.555**	**74.059.553.383**

MẪU SỐ B05/TCTD

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Đơn vị	2011	2010
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	**VND**	**446.254.768.053**	**218.811.269.122**
Số cổ phiếu đầu năm	Cổ phiếu	200.000.000	100.000.000
Số cổ phiếu phát hành thêm	Cổ phiếu	-	100.000.000
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	**Cổ phiếu**	**200.000.000**	**150.000.000**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**VND**	**2.231**	**1.459**

31. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
I. Tổng số cán bộ, CNV (cuối năm/bình quân)	**1.375/1.287**	**1.158/1.005**
II. Thu nhập của cán bộ		
1. Tổng quỹ lương	124.343.864.379	84.457.351.310
2. Tiền thưởng	34.823.198.909	27.655.798.283
3. Thu nhập khác	-	-
4. Tổng thu nhập (1+2+3)	159.167.063.288	112.113.149.593
5. Tiền lương bình quân	8.057.534	7.003.097
6. Thu nhập bình quân	10.302.742	9.296.281

32. LOẠI HÌNH VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN THẾ CHẤP CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Bất động sản (nhà, đất, xe)	8.988.191.104.769	9.176.210.061.515
Cổ phiếu, trái phiếu,giấy tờ có giá	1.672.882.676.513	1.456.263.318.155
Máy móc thiết bị	9.892.266.829.465	-
Tài sản bảo đảm khác	4.411.102.903.770	10.682.807.397.585
Tổng	**24.964.443.514.517**	**21.315.280.777.255**

33. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phần lớn các số dư nợ cho vay, tiền gửi, cam kết tín dụng, công cụ phái sinh và đầu tư chứng khoán đều phát sinh trong nước trừ các khoản tiền gửi tại các TCTD ngoài nước với giá trị là 37.970.167.093 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 36.719.955.278 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B05/TCTD

34. NGHĨA VỤ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Cam kết hoán đổi lãi suất danh nghĩa	2.465.170.838.000	2.240.763.122.000
Cam kết mua ngoại tệ trao ngay	31.242.000.000	312.378.000.000
Cam kết giao dịch hoán đổi tiền tệ (mua)	6.737.149.848	46.507.892.918
Cam kết giao dịch hoán đổi tiền tệ (bán)	6.858.125.000	48.234.566.557
Cam kết mua hàng hóa tương lai	13.158.349.350	22.060.986.300
Cam kết bán hàng hóa tương lai	9.997.440.000	60.941.989.675
Tổng	**2.533.163.902.198**	**2.730.886.557.450**

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Ngân hàng quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Ngân hàng có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Ngân hàng gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Ngân hàng áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính của Ngân hàng được trình bày chi tiết theo bảng dưới đây:

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	228.299.047.661	194.340.569.732
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	748.922.723.773	64.737.768.121
Tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng khác và cho vay các tổ chức tín dụng khác	1.403.467.339.527	1.788.385.034.019
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	119.715.058	1.724.955.120
Cho vay khách hàng	11.928.233.217.836	10.781.226.644.314
Chứng khoán đầu tư	2.022.497.195.760	1.941.704.728.817
Đầu tư dài hạn	55.643.662.419	91.016.641.088
Tài sản Có khác	848.776.680.455	1.254.137.009.686
Tổng cộng	**17.235.959.582.489**	**16.117.273.350.897**

MẪU SỐ B05/TCTD

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính của Ngân hàng được trình bày chi tiết theo bảng dưới đây:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Công nợ tài chính		
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	400.000.000.000	-
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	3.357.571.095.529	3.228.776.452.944
Tiền gửi của khách hàng	10.925.179.046.121	10.704.750.380.539
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	117.083.650.000	61.473.102.431
Phát hành giấy tờ có giá	1.977.401.615	-
Các khoản Nợ khác	128.758.104.155	112.100.684.480
Tổng cộng	**14.930.569.297.420**	**14.107.100.620.394**

Do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính nên Ngân hàng chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Phần này cung cấp chi tiết về các rủi ro mà Ngân hàng có thể gặp phải và mô tả các phương pháp mà Ban Giám đốc Ngân hàng sử dụng để kiểm soát rủi ro. Các loại rủi ro tài chính lớn nhất mà Ngân hàng gặp phải là rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản và rủi ro tín dụng.

35.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro lãi suất

Các hoạt động của Ngân hàng chịu rủi ro về biến động lãi suất khi các tài sản thu lãi và các khoản nợ chịu lãi đáo hạn tại những thời điểm khác nhau hoặc với những giá trị khác nhau. Một số tài sản không có kỳ hạn cụ thể, hoặc chịu nhiều ảnh hưởng của biến động lãi suất và không tương ứng với khoản công nợ cụ thể nào. Ngân hàng thực hiện quản lý rủi ro lãi suất theo nguyên tắc quản lý nguồn vốn tập trung. Rủi ro lãi suất được quản lý hàng tuần và duy trì trong giới hạn mức chấp nhận rủi ro theo mục tiêu, chiến lược đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt và phù hợp với chính sách của Hội đồng quản lý Tài sản Có - Tài sản Nợ (ALCO). Quản lý rủi ro lãi suất được thực hiện theo hai phương pháp: phương pháp phân tích khe hở nhạy cảm lãi suất và phương pháp phân tích giá trị ròng vốn chủ sở hữu.

MẪU SỐ B05/TCTD

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

BÁO CÁO RỦI RO LÃI SUẤT VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

		Quá hạn	Không nhạy cảm lãi suất	0 - 1 tháng	1 - 3 tháng	3 - 6 tháng	6 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
I.	**Tài sản có**	**353.351.661.899**	**1.340.675.254.352**	**3.013.220.742.297**	**4.040.817.275.888**	**2.834.900.004.651**	**925.043.587.405**	**1.710.956.835.587**	**270.573.391.631**	**14.489.538.753.710**
1	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	145.392.776.300	-	-	-	-	-	-	**145.392.776.300**
2	Tiền gửi tại NHNN	-	-	742.664.431.723	-	-	-	-	-	**742.664.431.23**
3	Tiền gửi tại và cho vay các TCTD	-	-	623.058.799.014	196.500.000.000	81.471.100.000	-	-	-	**901.029.899.014**
4	Chứng khoán SSĐB	-		-	100.089.507.238	50.000.000.000	230.000.000.000	1.419.789.000.000	256.869.643.997	**2.056.748.151.235**
5	Cho vay	353.351.661.899	-	1.647.497.511.560	3.744.227.768.650	2.703.428.904.651	695.043.587.405	291.167.835.587	13.703.747.634	**9.448.421.017.386**
6	Góp vốn đầu tư dài hạn	-	85.054.486.698	-	-	-	-	-	-	**85.54.86.698**
7	Tài sản cố định	-	160.317.987.336	-	-	-	-	-	-	**160.317.987.336**
8	TSC khác	-	949.910.004.018	-	-	-	-	-	-	**949.910.004.018**
II	**Tài sản nợ**	**-**	**1.046.418.940.971**	**8.579.194.054.703**	**1.929.941.922.537**	**261.118.523.597**	**191.162.724.385**	**709.188.768**	**-**	**12.008.545.345.961**
1	Nợ CP và NHNN	-	-	400.000.000.000	-	-	-	-	-	**400.000.000.000**
2	Tiền gửi và vay các TCTD	-	-	765.851.095.529	196.500.000.000	-	-	-	-	**962.351.095.529**
3	Tiền gửi TCKT	-	-	4.661.803.907.136	1.048.323.912.119	101.017.985.445	122.565.044.829	421.500.000	-	**5.934.132.349.529**
4	Tiền gửi tiết kiệm cá nhân	-	-	2.751.128.538.767	683.893.922.630	159.757.737.596	68.597.679.556	287.688.768	-	**3.663.665.567.317**
5	Phát hành GTCG	-	-	410.513.271	1.224.087.788	342.800.556	-	-	-	**1.977.401.615**
6	Nhận vốn ủy thác TCTD chịu rủi ro	-	117.083.650.000	-	-	-	-	-	-	**117.083.650.000**
7	Tài sản nợ khác	-	929.335.290.971	-	-	-	-	-	-	**929.335.290.971**
III	**Khe hở lãi suất**	**353.351.661.899**	**294.256.313.381**	**(5.565.973.312.406)**	**2.110.875.353.351**	**2.573.781.481.054**	**733.880.863.020**	**1.710.247.646.819**	**270.573.391.631**	**2.480.993.398.749**

Với giả định các khoản cho vay trung dài hạn đều có lãi suất thả nổi, có ngày thay đổi lãi suất rơi vào đồng đều trong 12 tháng tới; thay đổi đồng đều ở tất cả các kỳ hạn, thu nhập ròng (NII) của ngân hàng trong 12 tháng tới thay đổi như sau:

+ Lãi suất VND tăng 1%; NII giảm 17,5 tỷ đồng;

+ Lãi suất VND giảm 1%; NII tăng 17,5 tỷ đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

MẪU SỐ B05/TCTD

BÁO CÁO RỦI RO LÃI SUẤT USD
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

		Quá hạn	Không nhạy cảm ls	0 - 1 tháng	1 - 3 tháng	3 - 6 tháng	6 - 12 tháng	1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng
I.	**Tài sản có**	**518.052**	**7.239.632**	**49.543.753**	**50.581.908**	**47.304.396**	**1.701.509**	**1.878.751**	**318.149**	**159.086.150**
1	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	1.755.278	-	-	-	-	-	-	**1.755.278**
2	Tiền gửi tại NHNN	-	-	300.475	-	-	-	-	-	**300.475**
3	Tiền gửi tại và cho vay các TCTD	-	-	23.314.320	-	-	-	-	-	**23.314.320**
4	Cho vay	518.052	-	25.928.959	50.581.908	47.304.396	1.701.509	1.878.751	318.149	**128.231.724**
5	Góp vốn đầu tư dài hạn	-	29.038	-	-	-	-	-	-	**29.038**
6	TSC khác	-	5.455.316	-	-	-	-	-	-	**5.455.316**
II	**Tài sản nợ**	**-**	**(22.266.174)**	**107.323.761**	**67.422.725**	**2.524.373**	**2.739.328**	**996.448**	**-**	**158.740.461**
1	Tiền gửi và vay các TCTD	-	-	66.000.000	49.000.000	-	-	-	-	**115.000.000**
2	Tiền gửi TCKT	-	-	9.549.122	1.300.000	-	-	-	-	**10.849.122**
3	Tiền gửi tiết kiệm cá nhân	-	-	31.774.639	17.122.725	2.524.373	2.739.328	996.448	-	**55.157.513**
4	Tài sản nợ khác	-	(22.266.174)	-	-	-	-	-	-	**(22.266.174)**
III	**Khe hở lãi suất**	**518.052**	**29.505.806**	**(57.780.008)**	**(16.840.817)**	**44.780.023**	**(1.037.819)**	**882.303**	**318.149**	**345.690**

Giả định các khoản cho vay trung dài hạn đều có lãi suất thả nổi, có ngày thay đổi lãi suất rơi vào đồng đều trong 12 tháng tới; cơ cấu tài sản Nợ - Có ổn định, khi lãi suất thay đổi đồng đều ở tất cả các kỳ hạn, thu nhập ròng (NII) của ngân hàng trong 12 tháng tới thay đổi như sau:

+ Lãi suất USD tăng 1%, NII giảm 433 nghìn USD

+ Lãi suất USD giảm1%, NII tăng 433 nghìn USD

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B05/TCTD

Rủi ro tiền tệ

Ngân hàng chịu rủi ro tiền tệ trong những giao dịch bằng ngoại tệ. Ngân hàng chủ yếu sử dụng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ để hạch toán các hoạt động của mình. Do báo cáo tài chính của Ngân hàng được lập bằng Đồng Việt Nam, các báo cáo tài chính của Ngân hàng bị ảnh hưởng bởi những biến động tỷ giá giữa các loại ngoại tệ và Đồng Việt Nam.

Chỉ tiêu	EUR được quy đổi VND	USD được quy đổi VND	Tổng VND
Tài sản			
1. Tiền mặt vàng bạc, đá quý	6.639.296.544	36.558.930.184	43.198.226.728
2. Tiền gửi tại NHNN	-	6.258.293.300	6.258.293.300
3. Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	16.846.792.718	485.590.656.960	502.437.449.678
4. Cho vay khách hàng	-	2.661.003.087.940	2.661.003.087.940
5. Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	604.803.464	604.803.464
6.Tài sản có khác	-	84.879.994.324	84.879.994.324
Tổng tài sản	**23.486.089.262**	**3.274.895.766.172**	**3.298.381.855.434**
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu			
1. Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	2.395.220.000.000	2.395.220.000.000
2. Tiền gửi của khách hàng	24.101.818.873	1.374.807.938.212	1.398.909.757.085
3. Các khoản nợ khác	107.552.791.705	463.759.863.949	571.312.655.654
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	**131.654.610.578**	**4.233.787.802.161**	**4.365.442.412.739**
Trạng thái tiền tệ nội bảng	**(108.168.521.316)**	**(958.892.035.989)**	**(1.067.060.557.305)**

35.2 Rủi ro thanh khoản

Ngân hàng đối mặt với rủi ro thanh khoản thông qua các giao dịch rút vốn liên tục trong thời hạn rất ngắn, các tài khoản tiền gửi vãng lai, các khoản tiền gửi đến hạn, rút vốn, bảo lãnh, các nghĩa vụ thanh toán bằng tiền mặt đối với các công cụ phái sinh.

Ngân hàng đặc biệt chú trọng đến việc quản lý hiệu quả bảng cân đối kế toán và tính thanh khoản. Chính sách quản lý rủi ro thanh khoản của Ngân hàng dựa trên các quy định và giới hạn do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)
35.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

MẪU SỐ B05/TCTD

BÁO CÁO KHE HỞ THANH KHOẢN VND
Tại ngày 31/12/2011

		Quá hạn trên 3 tháng	Quá hạn dưới 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
I.	**Luồng tiền vào**	**217.836.944.479**	**287.398.699.055**	**2.626.462.957.694**	**2.568.301.196.417**	**4.862.985.298.771**	**3.341.582.319.475**	**654.679.228.661**	**14.559.246.644.552**
1	Tiền mặt, vàng	-	-	185.100.820.933	-	-	-	-	**185.100.820.933**
2	Tiền gửi tại NHNN	-	-	742.664.609.778	-	-	-	-	**742.664.609.778**
3	Tiền gửi tại và cho vay các TCTD	-	78.000.000.000	741.558.799.014	-	81.471.100.000	-	-	**901.029.899.014**
4	Chứng khoán SSĐB	-	-	-	100.089.507.238	310.000.000.000	1.419.789.000.000	256.869.643.997	**2.086.748.151.235**
5	Cho vay khách hàng	217.836.944.479	209.398.699.055	798.820.393.966	2.151.575.021.173	3.996.559.196.762	1.921.793.319.475	152.437.442.476	**9.448.421.017.386**
6	Góp vốn đầu tư dài hạn	-	-	-	-	-	-	85.054.486.698	**85.054.486.698**
7	TSCĐ		-	-	-	-	-	160.317.655.490	**160.317.655.490**
8	TSC khác	-	-	158.318.334.003	316.636.668.006	474.955.002.009	-	-	**949.910.004.018**
II	**Luồng tiền ra**	**-**	**-**	**7.893.607.310.752**	**2.368.323.809.211**	**1.379.138.417.217**	**859.131.158.036**	**2.059.045.949.335**	**14.559.246.644.551**
1	Nợ CP và NHNN	-	-	400.000.000.000	-	-	-	-	**400.000.000.000**
2	Tiền gửi và vay các TCTD	-	-	765.851.095.529	196.500.000.000	-	-	-	**962.351.095.529**
3	Tiền gửi TCKT	-	-	3.700.920.038.039	1.171.106.028.798	676.866.028.661	233.265.275.529	58.210.304.439	**5.840.367.675.466**
4	Tiền gửi tiết kiệm cá nhân	-	-	2.754.452.798.751	689.715.262.301	237.261.942.514	3.632.014.125	835.644.896	**3.685.897.662.587**
5	Phát hành GTCG	-	-	410.513.271	1.224.087.788	342.800.556	-	-	**1.977.401.615**
6	Nhận vốn ủy thác TCTD chịu rủi ro	-	-	117.083.650.000	-	-	-	-	**117.083.650.000**
7	Tài sản nợ khác	-	-	154.889.215.162	309.778.430.324	464.667.645.486	-	-	**929.335.290.972**
8	Vốn điều lệ	-	-	-	-	-	-	2.000.000.000.000	**2.000.000.000.000**
9	Vốn và quỹ khác	-	-	-	-	-	622.233.868.382	-	**622.233.868.382**
10	Cam kết mua ngoại tệ	-	-	-	-	-	-	-	**-**
Khe hở thanh khoản		**217.836.944.479**	**287.398.699.055**	**(5.267.144.353.058)**	**199.977.387.206**	**3.483.846.881.554**	**2.482.451.161.439**	**(1.404.366.720.674)**	**1**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)
35.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

MẪU SỐ B05/TCTD

BÁO CÁO KHE HỞ THANH KHOẢN USD
Tại ngày 31/12/2011

		Quá hạn trên 3 tháng	Quá hạn dưới 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 -12 tháng	Từ 1 -5 năm	Trên 5 năm	Tổng
		USD	USD	USD	USD	USD	USD	USD	USD
I.	**Luồng tiền vào**	**-**	**683.401**	**44.174.873**	**24.757.310**	**42.351.654**	**32.221.326**	**14.552.942**	**158.741.506**
1	Tiền mặt, vàng	-	-	1.755.278	-	-	-	-	**1.755.278**
2	Tiền gửi tại NHNN	-	-	300.475	-	-	-	-	**300.475**
3	Tiền gửi tại và cho vay các TCTD	-	-	23.314.320	-	-	-	-	**23.314.320**
4	Cho vay khách hàng	-	683.401	17.895.581	22.938.871	39.623.996	32.221.326	14.523.904	**127.887.079**
5	Góp vốn đầu tư dài hạn	-	-	-	.	-	-	29.038	**29.038**
6	TSC khác	-	-	909.219	1.818.439	2.727.658	-	-	**5.455.316**
II	**Luồng tiền ra**	**-**	**-**	**81.208.747**	**68.013.144**	**8.100.347**	**1.922.878**	**229.557**	**159.474.673**
1	Tiền gửi và vay các TCTD	-	-	66.000.000	49.000.000	-	-	-	**115.000.000**
2	Tiền gửi TCKT	-	-	5.473.813	1.768.379	2.799.131	918.277	229.557	**11.189.157**
3	Tiền gửi tiết kiệm cá nhân	-	-	32.001.108	17.244.765	5.301.216	1.004.601	-	**55.551.690**
4	Tài sản nợ khác	-	-	(22.266.174)	-	-	-	-	**(22.266.174)**
Khe hở thanh khoản		**-**	**683.401**	**(37.033.874)**	**(43.255.834)**	**34.251.307**	**30.298.448**	**14.323.385**	**(733.167)**

MẪU SỐ B05/TCTD

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

35.3 Rủi ro tín dụng

Ngân hàng thường gặp rủi ro tín dụng thông qua hoạt động cấp vốn vay, các hoạt động đầu tư, khi Ngân hàng đảm nhiệm vai trò trung gian thay mặt khách hàng hoặc một bên thứ ba hoặc khi Ngân hàng phát hành bảo lãnh. Ngoài ra, Ngân hàng cũng gặp phải rủi ro tín dụng đối với các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán thông qua các cam kết gia hạn tín dụng hoặc gia hạn bảo lãnh mà Ngân hàng đã phát hành.

Ngân hàng cũng đối mặt với nguy cơ này khi các đối tác không thể thực hiện các nghĩa vụ của mình do bị nghi ngờ về tính hoạt động liên tục. Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Ngân hàng không tập trung cấp tín dụng quá cao cho một khách hàng, một ngành/nghề/lĩnh vực, các nhóm khách hàng/ngành/nghề có liên quan với nhau, một loại tiền tệ, một loại sản phẩm và tại một địa bàn. Việc cấp tín dụng cho một dự án lớn hay một khoản vay lớn phải được thực hiện theo chế độ tập thể (thông qua nhiều cấp xét duyệt và biểu quyết của Hội đồng tín dụng với sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng) để đảm bảo tính khách quan.

Phương pháp quản lý rủi ro tín dụng dựa trên việc thiết lập các định mức/cơ cấu quản lý các rủi ro tín dụng và quản lý danh mục cho vay.

36. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Ngân hàng có các giao dịch chủ yếu với bên liên quan như sau:

	Năm 2011		Năm 2010	
	USD	VND tương đương (*)	USD	VND tương đương (*)
Bán ngoại tệ cho Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	2.815.971.091,76	58.651.045.899.177	1.495.241.105,19	28.324.864.641.640
Thu phí dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu và hệ thống		22.798.856.837		20.082.560.295

(*) Tỷ giá quy đổi bình quân 20.828 VND/USD (năm 2010: 18.943VND/USD)

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền gửi của Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	553.538.643.087	317.688.441.768
Cho vay các khách hàng thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	645.618.392.806	1.376.273.477.567

Thu nhập của Ban Giám đóc và Hội đồng quản trị:

	2011	2010
	VND	VND
Lương và các khoản thưởng	10.184.990.571	8.848.068.586

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B05/TCTD

37. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ

Ngày 30 tháng 12 năm 2011, Hội đồng quản trị Ngân hàng đã ban hành Nghị quyết số 13-2011/NQ-HĐQT-PGB thông qua ngày chốt danh sách cổ đông hưởng quyền quyền mua cổ phiếu phát hành thêm và trả cổ tức bằng cổ phiếu. Ngày 10/2/2012 PG Bank đã hoàn thành việc trả cổ tức bằng cổ phiếu, theo đó tổng số vốn điều lệ tăng thêm 360 tỷ VND, vốn điều lệ đến thời điểm lập báo cáo tài chính này là 2.360 tỷ VND. Ngân hàng vẫn đang tiếp tục tiến hành việc phát hành thêm 64 triệu cổ phiếu tương đương với 640 tỷ VND để tăng đủ số vốn điều lệ theo quy định là 3.000 tỷ đồng. Ngân hàng cũng đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận gia hạn thời gian thực hiện tăng vốn đến ngày 20 tháng 4 năm 2012 theo Quyết định số 235/QĐ-UBCK ngày 16 tháng 03 năm 2012.

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.

M.S.D.N: 1400116233 - C.T.C.P
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN XĂNG DẦU PETROLIMEX
Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Quang Định
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Nguyễn Văn Hảo
Giám đốc Tài chính

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

MẠNG LƯỚI CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH

Tính đến ngày 20/03/2012, mạng lưới của PG Bank bao gồm 75 điểm giao dịch bao gồm:

- 1 Hội sở chính,
- 1 Trung tâm thẻ
- 16 Chi nhánh
- 51 Phòng giao dịch
- 6 Quỹ tiết kiệm

HỘI SỞ CHÍNH

Tầng 16, 23, 24, Tòa nhà MIPEC, số 229 Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, TP Hà Nội

ĐT: 84 4 6281 1298
Fax: 84 4 6281 1299
Website: www.pgbank.com.vn
Email: dvkh.pgbank@petrolimex.com.vn

HÀ NỘI

Trung tâm Thẻ
Tầng 16, Tòa nhà MIPEC số 229 Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, TP Hà Nội
ĐT: 04 6281 1298

Chi nhánh Hà Nội
Số 79 Bà Triệu, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội
ĐT: 04 3944 8899

PGD Nguyễn Công Hoan
Số 84/9 Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, TP Hà Nội
ĐT: 04 3771 1342

PGD Bách Khoa
Số 27 Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội
ĐT: 04 4362 0737

PGD Trung Hòa
Số18T1-18T2 Trung Hòa Nhân Chính, Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
ĐT: 04 6026 2666

PGD Thái Thịnh
Số 192 Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP Hà Nội
ĐT: 04 4351 9141

PGD Nguyễn Ngọc Nại
Số 227 Nguyễn Ngọc Nại, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
ĐT: 04 4356 6544

PGD Trương Định
402-406 Trương Định, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội
ĐT: 04 4366 9236

PGD Hoàng Cầu
1 Võ Văn Dũng, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP Hà Nội
ĐT: 04 3537 9561

PGD Kim Liên
101A, nhà C5, tập thể Kim Liên, phường Kim Liên, quận Đống Đa, TP Hà Nội
ĐT: 04 3576 5536

PGD Trung Kính
Số 47 Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
ĐT: 04 3783 4032

PGD Hà Đông
12 Trần Phú, phường Văn Mỗ, quận Hà Đông, TP Hà Nội
ĐT: 04 3356 0710

PGD Võ Thị Sáu
64-66 Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội
ĐT: 04 3625 5075

PGD Hoàng Mai
Ô 7 Lô 7 Đền Lừ 2, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội
ĐT: 04 3634 3591

PGD Tây Đô
729 Quang Trung, phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
ĐT: 04 4331 9335

QTK Khâm Thiên
340 Khâm Thiên, phường Thổ Quan, Q.Đống Đa, TP Hà Nội
ĐT: 04 3513 4602

QTK Từ Liêm
BT 205, Khu liên cơ Vigracera Đại Mỗ, Huyện Từ Liêm, TP Hà Nội
ĐT: 04 3783 4191

QTK Lò Đúc
125G Lò Đúc, phường Đống Mác, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội
ĐT: 04 3972 8810

PGD Tây Sơn
Tầng 1, Picomall, toà nhà Mipec, số 229 Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, TP Hà Nội
ĐT: 04 6277 0297

Chi nhánh Thăng Long
Số 552 Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thuỵ, quận Long Biên, TP Hà Nội
ĐT: 04 3876 0046

PGD Đức Giang
Số 26 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, TP Hà Nội
ĐT: 04 3655 7524

PGD Trâu Quỳ
Số 7 Ngô Xuân Quảng, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội
ĐT: 04 3876 0046

PGD Lê Hồng Phong
Số 71 Lê Hồng Phong, phường Điện Biên, quận Ba Đình, TP Hà Nội
ĐT: 04 3734 7818

PGD An Dương
Số 5 An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, TP Hà Nội
ĐT: 04 3717 2890

PGD Lạc Long Quân
Số 105 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
ĐT: 04 3759 1819

PGD Đường Thành
Số 12 Đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
ĐT: 04 3923 3760

PGD Cầu Diễn
406 Hồ Tùng Mậu, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội
ĐT: 04 3763 4613

PGD Tô Hiệu
227 Tô Hiệu, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
ĐT: 04 3791 6356

PGD Phạm Hùng
Tháp CEO, HH2-1, đô thị mới Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội
ĐT: 04 3787 6945

PGD Tông Đản
18B Tông Đản, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
ĐT: 04 3939 3343

PGD Lai Xá
Ô 1, Lô 7, KCN Lai Xá, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
ĐT: 04 3366 0833

QTK Phú Thụy
Thôn Phú Thụy xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội
ĐT: 04 3871 7803

QTK Đông Anh
Số 55, tổ 9, khu 1B, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, TP Hà Nội
ĐT: 04 3965 6291

PGD Minh Khai
Số 122 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội
ĐT: 04 3974 4866/3974 4862

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chi nhánh Sài Gòn
Số 2.5, 2.8 Phan Xích Long, phường 3, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh
ĐT: 08 3517 8171

PGD Trần Hưng Đạo
223 Trần Hưng Đạo, quận 1, TP Hồ Chí Minh
ĐT: 08 3920 9101

PGD Lạc Long Quân
Số 482 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, TP Hồ Chí Minh
ĐT: 08 3975 2115

PGD Lý Thái Tổ
Số 49 Lý Thái Tổ, phường 1, quận 10, TP Hồ Chí Minh
ĐT: 08 3830 1764

PGD Lê Hồng Phong
134, 134A Lê Hồng Phong, phường 3, quận 5, TP Hồ Chí Minh
ĐT: 08 3922 5368

PGD Hoàng Văn Thụ
Số 15 Hoàng Văn Thụ, phường 15, quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
ĐT: 08 3995 9275

PGD Phạm Viết Chánh
Số 19 Phạm Viết Chánh, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, TP Hồ Chí Minh
ĐT: 08 3926 0383

PGD Nguyễn Thị Minh Khai
Số 188 Pasteur, phường 6, quận 3, TP Hồ Chí Minh
ĐT: 08 3824 2021

PGD Hồng Bàng
595 Hồng Bàng, phường 6, quận 6, , TP Hồ Chí Minh
ĐT: 08 3960 3318

PGD Gò Vấp
A0 Khu thương mại Hạnh Thông Tây, đường Quang Trung, phường 11, quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh
ĐT: 08 3921 2560

PGD Lê Văn Sỹ
Số 380 Lê Văn Sỹ, phường 2, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh
ĐT: 08 3991 5485

PGD Tân Bình
Số 374, 374A đường Trường Chinh, phường 13, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh
ĐT: 08 3812 4107

PGD Phú Mỹ Hưng
số 29 khu phố Mỹ Hoàng, đường Nguyễn Văn Linh, quận 7, TP Hồ Chí Minh
ĐT: 08 5412 4706

PGD Nhà Bè
67/3 Huỳnh Tấn Phát, khu phố 6, thị trấn Nhà bè, huyện Nhà Bè, TP Hồ Chí Minh
ĐT: 08 3873 8972

PGD Tân Phú
số 313 đường Nguyễn Sơn, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh
ĐT: 08 3972 1055

ĐÀ NẴNG

Chi nhánh Đà Nẵng
Số 143, 145 đường Nguyễn Văn Linh, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng
ĐT: 0511 3689 777

HẢI PHÒNG

Chi nhánh Hải Phòng
Số 22 Lý Tự Trọng, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng
ĐT: 0313 822 238

PGD Ngô Quyền
Số 147 Văn Cao, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng
ĐT: 0313 727 596

PGD Quang Trung
Số 73 Phan Bội Châu, phường Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng
ĐT: 0313 529 569

PGD Lê Chân
158 Tô Hiệu, phường Trại Cau, quận Lê Chân, TP Hải Phòng
ĐT: 0313 612 616

PGD Lạch Tray
416 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng
ĐT: 0313 261 222

CẦN THƠ

Chi nhánh Cần Thơ
Số 110 đường Cách mạng Tháng 8, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ
ĐT: 0710 3768 900

PGD Ninh Kiều
Số 55A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ
ĐT: 0710 3818 055

QUẢNG NINH

Chi nhánh Quảng Ninh
156B Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
ĐT: 0333 812 679

PGD Cẩm Phả
258 đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
ĐT: 0333 968 879

PGD Hà Tu
Số 204, tổ 1, khu 4, phường Hà Tu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
ĐT: 0333 635 966

ĐỒNG NAI

Chi nhánh Đồng Nai
Số 16-17 đường Đồng Khởi, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
ĐT: 061 6250 777

BÀ RỊA VŨNG TÀU

Chi nhánh Vũng Tàu
Số 5 Nguyễn Thái Học, phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
ĐT: 064 3543 441

KHÁNH HOÀ

Chi nhánh Khánh Hòa
84 Quang Trung, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
ĐT: 058 3521 919

BÌNH DƯƠNG

Chi nhánh Bình Dương
Số 153 Đường Cách Mạng Tháng Tám, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
ĐT: 0650 3865 678

ĐỒNG THÁP

Chi nhánh Đồng Tháp
132-134 Nguyễn Huệ, phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
ĐT: 067 3874 232

PGD Cao Lãnh
Số 198 Nguyễn Trãi, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
ĐT: 067 3822 030

PGD Sa Đéc
122 Hùng Vương, phường 2, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
ĐT: 067 3774 615

HẢI DƯƠNG

Chi nhánh Hải Dương
Số 01, Đại lộ Hồ Chí Minh, TP Hải Dương
ĐT: 0320 3848 600

PGD Đông Nam Cường
Số nhà 65, đường Thanh Niên, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
ĐT: 0320 3551 599

LONG AN

Chi nhánh Long An
số 304 đường Hùng Vương, thị xã Tân An, tỉnh Long An
ĐT: 072 3525 454

PGD Bến Lức
Số 159 đường Nguyễn Hữu Thọ, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An
ĐT: 072 3639 224

AN GIANG

Chi nhánh An Giang
56-58 đường Nguyễn Trãi, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
ĐT: 076 3941 249

BẮC NINH

Chi nhánh Bắc Ninh
Số 10 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiền An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
ĐT: 0241 3893 500

QTK Từ Sơn
Trung tâm thương mại Thanh Ngọc, Phố Mới, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
ĐT: 0241 3745 798

MẠNG LƯỚI NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ

AUSTRALIA
ANZ, Melbourne
ANZ, Wellington
Citibank N.A, Sydney
OCBC, Sydney

AUSTRIA
Bank Austria, Viena
Citibank N.A, Vienna
RZB-Australia Bank, Vienna

BAHRAIN
Woori Bank, Manama

BANGLADESH
Woori Bank, Dhaka

BELGIUM
Commerzbank, Brussels
Deutsche Bank, Brussels
KBC Bank NV, Brussels

BRAZIL
Citibank N.A, Sao Paolo

CAMBODIA
ANZ Royal Bank, Phnompenh
Canadia Bank Plc, Phnompenh
Campubank, Phnompenh
Foreign Trade Bank Of Cambodia, Phnompenh
BIDC, Phnompenh
May Bank, Phnompenh
Union Commercial Bank, Phnompenh
Vattanac Bank, Phnompenh

CANADA
Caisse Centrale Desjardins, Quebec

CHINA
ANZ, Shanghai
Bank Of Jiujiang, Beijing
Citibank N.A, Shanghai
Citibank N.A, Hongkong
Commerzbank, Beijing
Commerzbank, Tianjin
Commerzbank, Shanghai
Fujian Haixia Bank, Fuzhou
Woori Bank, Beijing
Woori Bank, Shanghai
Hua Xia Bank, Beijing
Industrial And Commercial Bank Of China, Beijing
Linyi Commercial Bank, Beijing
OCBC, Shanghai
Wells Fargo, Shanghai
Standard Chartered Bank, Shanghai
Yinzhou Bank, Zhejiang

CZECH
Unicredit Bank Czech Republic,A.S., Prague

DENMARK
Nordea Bank Danmark A/S, Copenhaghen

FINLAND
Nordea Bank Finland Plc, Helsinki

FRANCE
BNP Paribas, Paris
Commerzbank, Paris
Bayerische Hypo Und Vereinsbank, Paris

GERMANY
ANZ, Frankfurt
BHF Bank, Frankfurt
Commerzbank, Frankfurt
Deutsche Bank, Essen
Deutsche Bank, Bonn
Deutsche Bank, Frankfurt
Deutsche Bank, Munich
Sparkasse Dortmund, Dortmund
Hypo Vereins Bank, Munich
Standard Chartered Bank, Frankfurt
Landesbank Baden-Wuerttemberg, Stuttgart

NETHERLANDS
BNP Paribas, Amsterdam
Commerzbank, Amsterdam
Deutsche Bank, Amsterdam

HONG KONG
ANZ, Hong Kong
BNP Paribas, Hong Kong
Commerzbank, Quarry Bay
Woori Bank, Central Of Hong Kong
OCBC, Central Of Hong Kong
Deutsche Bank, Hong Kong
Wells Fargo, Central Of Hong Kong

HUNGARY
Commerzbank, Budapest
Unicredit Bank Hungary Zrt., Budapest

INDIA
ANZ, Mumbai
Citibank N.A, Mumbai
Standard Chartered Bank, India

INDONESIA
Citibank N.A, Jakarta
Deutsche Bank, Jakarta
Woori Bank, Jakarta
PT Bank OCBC NISP Tbk, Jakarta
OCBC, Jakarta
Standard Chartered Bank, Jakarta

IRELAND
Citibank N.A, Dublin
Commerzbank, Dublin

ITALY
Intesabci S.P.A., Barletta
Intesa Sanpaolo S.P.A., Pescara
Intesa Sanpaolo S.P.A., Trento
Credito Valtellinese, Roma
Banca Di Roma S.P.A, Roma
Commerzbank, Milano
Cassa Di Risparmio Di Pistoia E Pescia S.P.A., Roma
Cassa Di Risparmio Di Fossano Spa, Roma
Deustche Bank, Milano
Pioneer Investment Management Spa, Milano
Mediocredito Centrale Spa, Roma
Bipop Carire Spa, Milano
SGSS SPA, Milano
Unicredit Banca Spa, Bologna
Unicredit SPA, Turin
Unicredit SPA, Abbiategra
Unicredit Banca Spa, Milano
Unicredit S.P.A, Abbiategrasso
Unicredit Bank AG Milan Branch, Milano

JAPAN
ANZ, Tokyo
Hypo Vereins Bank, Tokyo
Citibank N.A, Tokyo
Commerzbank, Tokyo
Deutsche Bank, Tokyo
Woori Bank, Tokyo
IYO Bank, Matsuyama
OCBC, Tokyo
Wells Fargo, Tokyo
SMBC, Tokyo
Resona Bank, Tokyo

JORDAN
Arab Bank Plc, Amman

KOREA
ANZ, Seoul
Kookmin Bank, Seoul
IBK, Seoul
KEB, Seoul
Kyongnam Bank, Masan
Shinhan Bank, Seoul
Landesbank Baden-Wuerttemberg, Seoul

LAOS
Lao-Viet Bank, Vientiane
Banque Pour Le Commerce Exterieur Lao, Vientiane

LATVIA
Parex Bank Riga, Riga

MALAYSIA
Citibank N.A, Kuala Lumpur
Fee Bank, Kuala Lumpur
May Bank, Kuala Lumpur
Middle East Invesment Bank, Labuan
OCBC, Kuala Lumpur
Standard Chartered Bank, Kuala Lumpur

MAURITIUS
Bank International Indonesia, Port Louis

NIGERIA
Standard Chartered Bank, Lagos
Citibank N.A, Lagos

NORWAY
Nordea Bank Finland Plc, Oslo

PHILIPPINES
ANZ, Manila
Standard Chartered Bank, Manila

POLAND
Raiffeisen Bank Polska S.A., Warszaw

QATAR
BNP Paribas, Doha

ROMANIA
Credit Europe Bank (Romania) S.A, Romania

RUSSIA
Citibank N.A, Moscow
Commerzbank, Moscow
Woori Bank, Moscow
Unicredit Bank Zao, Moscow
Raiffeisenbank Zao, Moscow

SINGAPORE
ANZ Singapore, Singapore
BNP Paribas, Singapore
JP Morgan Chase Bank, Singapore
Citibank N.A, Singapore
Commerzbank, Singapore
Credit Agricole CIB, Singapore
Chinatrust Commercial Bank, Singapore
DNB Nor Bank, Singapore
Fortis Bank NV, Singapore
Woori Bank, Singapore
ING Bank, Singapore
KEB, Singapore
Nordea Bank, Singapore
OCBC, Singapore
RZB-Australia Bank, Singapore
Standard Chartered Bank, Singapore
SMBC, Singapore
Landesbank Baden-Wuerttemberg, Singapore
UOB, Singapore
Qatar National Bank QNB, Singapore
Rabobank, Singapore Branch, Singapore

SLOVAKIA
Citibank N.A, Bratislava

SOUTH KOREA
Citibank N.A, Seoul
Woori Bank, Seoul
OCBC, Seoul
Wells Fargo, Seoul
Standard Chartered Bank, Seoul

SPAIN
BNP Paribas, Madrid
Commerzbank, Madrid

SRI LANKA
Standard Chartered Bank, Colombo
Citibank N.A, Mawatha

SWEDEN
Nordea Bank Finland Plc, Stockholm

SWITZERLAND
BNP Paribas, Geneva
Credit Suisse, Zurich
Standard Chartered Bank, Geneva

TAIWAN
ANZ, Taipei
Citibank Taiwan Ltd., Taipei
Citibank N.A, Taipei Branch, Taipei
OCBC , Taipei
Wells Fargo, Taipei

THAILAND
Citibank N.A, Bangkok
OCBC, Bangkok
Standard Chartered Bank, Bangkok
SMBC, Bangkok
BNP Paribas, Bangkok

TUNISIA
Citibank N.A, Tunis

TURKEY
Citibank N.A, Istabul
HSBC, Istabul
Turkiye Garanti Bankasi A.S., Istabul

UKRAINE
Citibank N.A, Kiev

UK
ANZ, London
Commerzbank, London
Woori Bank, London
Bayerische Hypo Und Vereinsbank , London
OCBC, London
Standard Chartered Bank, London
Wells Fargo Bank, N.A, London Branch, London

UNITED ARAB EMIRATES
HSBC, Dubai
Habib Bank A G Zurich, Dubai
National Bank Of Furaijah, Dubai
Standard Chartered Bank, Dubai

USA
ANZ, New York
Citibank N.A, New York
Commerzbank, New York
Woori Bank, New York
Woori Bank, Los Angeles
May Bank, New York
Wells Fargo, Philladelphia
Wells Fargo, New York
Standard Chartered Bank, New York
US Bank, Boise

VIETNAM
ABBank, Hồ Chí Minh
ACB, Hồ Chí Minh
Agribank, Hà Nội
ANZ, Hà Nội
Bangkok Bank, Hồ Chí Minh
Bank of China, Hồ Chí Minh
Baovietbank, Hà Nội
BIDV, Hà Nội
BNP Paribas, Hồ Chí Minh
Chinatrust Commercial Bank, Hồ Chí Minh
Chinfon Bank, Hà Nội
Citibank N.A, Hà Nội
DaiABank, Biên Hoà
Deutsche Bank, Hồ Chí Minh
DongA Bank, Hồ Chí Minh
Eximbank, Hồ Chí Minh
Far East Bank, Hồ Chí Minh
First Commercial Bank, Hồ Chí Minh
GP Bank, Hà Nội
Habubank, Hà Nội
HDBank, Hồ Chí Minh
IBK, Hồ Chí Minh
ICBC, Hà Nội
JP Morgan Chase Bank, Hồ Chí Minh
KEB, Hà Nội
Kienlongbank, Kiên Giang
LienvietPostBank, Hà Nội
MDB, An Giang
MHB, Hồ Chí Minh
Military Bank, Hà Nội
MSB, Hà Nội
NamA Bank, Hồ Chí Minh
NASB, Hà Nội
Natixis, Hồ Chí Minh
Navibank, Hồ Chí Minh
OCB, Hồ Chí Minh
Ocean Bank, Hà Nội
Sacombank, Hồ Chí Minh
Saigonbank, Hồ Chí Minh
Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Hà Nội
SCB, Hồ Chí Minh
SeABank, Hà Nội
SHB, Hồ Chí Minh
SMBC, Hồ Chí Minh
Southern Bank, Hồ Chí Minh
Standard Chartered Bank, Hà Nội
Techcombank, Hà Nội
Tien Phong Bank, Hà Nội
Trustbank, Long An
UOB, Hồ Chí Minh
VIB, Hà Nội
VietABank, Hồ Chí Minh
Vietbank, Sóc Trăng
Vietcapitalbank, Hồ Chí Minh
Vietcombank, Hà Nội
Sở giao dịch Vietinbank, Hà Nội
VP Bank, Hà Nội
Western Bank, Cần Thơ
Woori Bank, Hà Nội
Woori Bank, Hồ Chí Minh